

Số: 393/BC-CTK

Nam Định, ngày 25 tháng 6 năm 2020

**BÁO CÁO**  
**TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI**  
**6 tháng đầu năm 2020**

Triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2020 trong bối cảnh tình hình kinh tế của cả nước nói chung và tỉnh Nam Định nói riêng có những thuận lợi và thách thức đan xen; kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát, môi trường kinh doanh tiếp tục được cải thiện. Bên cạnh đó do ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19 làm tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực chậm lại; tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm tăng lên; thị trường tiêu thụ sản phẩm bị thu hẹp; nhu cầu tiêu dùng, du lịch và thương mại giảm mạnh, chuỗi cung ứng và các liên kết sản xuất bị gián đoạn, đời sống và các hoạt động của người dân bị ảnh hưởng. Phát huy tinh thần đổi mới, sáng tạo, chủ động, quyết liệt hành động, tập trung thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ; phấn đấu hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2020; Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh chỉ đạo, đôn đốc các ngành, các cấp tích cực triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 01 của Chính phủ ngay từ đầu năm. Trong điều kiện còn nhiều khó khăn nhưng với sự điều hành sát sao, có trọng tâm, trọng điểm của chính quyền các cấp, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh 6 tháng đầu năm 2020 duy trì và phát triển ổn định trên các lĩnh vực chủ yếu.

**I. TÌNH HÌNH KINH TẾ**

**1. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu tổng hợp**

Các cấp, các ngành tích cực triển khai thực hiện Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 04/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, đảm bảo an sinh xã hội, ứng phó với dịch Covid-19: Gia hạn thời gian nộp thuế và tiền thuê đất; hỗ trợ giảm giá điện, tiền điện; gia hạn thời gian nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa; tiền sử dụng hạ tầng kỹ thuật tại các khu, cụm công nghiệp; đẩy nhanh tiến độ giải ngân đầu tư công, hỗ trợ thủ tục, giảm chi phí cho doanh nghiệp... Sáu tháng đầu năm 2020, kinh tế của tỉnh tiếp tục ổn định và phát triển. Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) theo giá so sánh 2010 ước đạt 21.545 tỷ đồng, tăng 4,29% so với cùng kỳ năm trước; trong đó: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản 5.133 tỷ đồng, tăng 1,70% và đóng góp 0,42 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng 8.137 tỷ đồng, tăng 7,23% và đóng góp 2,66

điểm phần trăm; khu vực dịch vụ 7.721 tỷ đồng, tăng 3,04% và đóng góp 1,10 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 554 tỷ đồng, tăng 4,44%.

Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) theo giá hiện hành 6 tháng đầu năm ước đạt 36.062 tỷ đồng; về cơ cấu kinh tế: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 24,9%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 38%; khu vực dịch vụ chiếm 34,6%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 2,5% (Cơ cấu tương ứng của 6 tháng đầu năm 2019 là 23,2%; 38,6%; 35,7%; 2,5%).

Tổng thu ngân sách Nhà nước 6 tháng đầu năm 2020 ước đạt 10.621 tỷ đồng, bằng 75% dự toán năm và tăng 5,9% so với cùng kỳ năm trước. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ước đạt 2.352,1 tỷ đồng, bằng 41,3% dự toán và giảm 11,2% so với cùng kỳ năm trước; trong đó, thu nội địa 2.168,1 tỷ đồng, bằng 40,8% dự toán, giảm 11,3%; thu thuế xuất, nhập khẩu 166 tỷ đồng, bằng 41,5% dự toán, giảm 8,9% so với cùng kỳ năm trước. Tổng chi ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm ước đạt 6.763,4 tỷ đồng, bằng 50,9% dự toán năm và tăng 7,0% so với cùng kỳ năm trước.

## **2. Sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản**

*Sáu tháng đầu năm 2020, thời tiết thuận lợi cho gieo trồng cây nông nghiệp, khai thác và nuôi trồng thủy sản; bệnh dịch tả lợn châu Phi được kiểm soát nên sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt mức tăng trưởng khá. Vụ lúa xuân được mùa, sản lượng thủy sản tăng khá, chăn nuôi gia cầm phát triển. Tuy vậy diện tích đất trồng lúa bỏ hoang nhiều (797 ha), việc tái đàn lợn còn chậm.*

### **a. Sản xuất nông nghiệp**

Vụ đông xuân năm nay toàn tỉnh gieo trồng 94.376 ha cây hàng năm các loại, giảm 1,7% (-1.598 ha) so với vụ đông xuân năm trước; trong đó, diện tích cây vụ đông 9.825 ha, giảm 5,7% (-596 ha); diện tích cây vụ xuân 84.551 ha, giảm 1,2% (-1.002 ha). Diện tích nhóm cây lương thực có hạt 74.791 ha, giảm 1,8% (-1.368 ha); diện tích nhóm cây lấy củ có chất bột 2.672 ha, giảm 15,1% (-477 ha); diện tích nhóm cây có hạt chứa dầu 4.713 ha, giảm 1% (-49 ha) so với vụ đông xuân năm trước.

Vụ xuân năm nay toàn tỉnh gieo trồng 84.551 ha lúa, rau màu và cây hàng năm các loại, giảm 1,2% (-1.002 ha) so với vụ xuân năm trước. Trong đó diện tích trồng lúa 72.465 ha, giảm 1,3% (-987 ha); rau màu và cây hàng năm các loại 12.086 ha, giảm 0,1% (-15 ha). Theo đánh giá của ngành Nông nghiệp, vụ xuân năm 2020 được triển khai trong điều kiện thời tiết ẩm, có mưa xuân, thuận lợi cho việc gieo trồng. Do gieo cấy đúng khung thời vụ, tuân thủ hướng dẫn kỹ thuật chăm sóc nên cây lúa sinh trưởng, phát triển tốt đồng đều. Bên cạnh đó,

các địa phương trong tỉnh chủ động nắm bắt kế hoạch, hướng dẫn các hộ nông dân thường xuyên đảm bảo đủ nước để lúa trổ bông, phơi màu thuận lợi; công tác kiểm tra đồng ruộng, phát hiện và phòng trừ sâu, bệnh kịp thời nên lúa xuân sinh trưởng phát triển tốt. Thời tiết cuối vụ nắng nóng nên lúa chín nhanh, đến nay toàn tỉnh đã thu hoạch xong lúa xuân. Ước tính năng suất lúa bình quân chung toàn tỉnh đạt 69,45 tạ/ha, tăng 0,05 tạ/ha với vụ xuân năm trước. Tổng sản lượng lương thực có hạt vụ đông xuân ước đạt 514.829 tấn, giảm 1,4% (-7.500 tấn) so với cùng kỳ năm trước, trong đó sản lượng thóc 503.252 tấn, ngô 11.568 tấn.

Rau màu và cây hàng năm khác: Vụ đông xuân năm nay toàn tỉnh gieo trồng 21.911 ha rau màu và cây hàng năm khác, giảm 2,7% (-611 ha) so với vụ đông xuân năm trước; trong đó vụ đông 9.825 ha, vụ xuân 12.086 ha. Theo đánh giá của các địa phương trong tỉnh, vụ đông xuân năm nay gieo trồng trong điều kiện thời tiết nắng ấm, có mưa xuân thuận lợi cho cây trồng sinh trưởng và phát triển, bên cạnh đó ngành Nông nghiệp và các địa phương trong tỉnh đã tích cực đổi mới cơ cấu giống và chuyển đổi linh hoạt cây trồng trên đất trồng lúa. Thực hiện tốt các biện pháp thâm canh, bảo vệ cây trồng. Chủ động thực hiện các biện pháp thủy lợi và phòng, chống thiên tai. Chú trọng xây dựng các mô hình tái cơ cấu trong sản xuất nông nghiệp; tổ chức tốt các hoạt động khuyến nông, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật mới và tiêu thụ nông sản; tăng cường vai trò quản lý Nhà nước về nông nghiệp, nông thôn. Theo kết quả đánh giá sơ bộ, hầu hết năng suất các cây trồng vụ đông xuân năm nay đều đạt cao hơn vụ đông xuân năm 2019.

Chăn nuôi và thú y: Tình hình chăn nuôi trên địa bàn tỉnh 6 tháng đầu năm 2020 phát triển tương đối ổn định. Bệnh dịch tả lợn châu Phi được kiểm soát nhưng việc tái đàn còn chậm vì chi phí đầu tư lớn, giá con giống ở mức cao, tâm lý lo ngại dịch tái phát. Chăn nuôi trâu, bò, gia cầm phát triển tốt, không có dịch bệnh lớn xảy ra.

Dự ước tháng 6/2020, đàn trâu hiện có 7.481 con, tăng 0,7% (+51 con); đàn bò 29.964 con, giảm 0,8% (-249 con) so với cùng kỳ năm 2019. Chăn nuôi trâu, bò trên địa bàn tỉnh trong những năm gần đây đã thu hẹp diện tích chăn thả, chủ yếu là nuôi nhốt trong các hộ dân và nuôi theo phương pháp truyền thống.

Dự ước tháng 6, đàn lợn có 632,3 nghìn con, tăng 20,4% (+107,1 nghìn con); sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng tháng 6 năm 2020 ước đạt 11.115 tấn, tăng 6,2% (+645 tấn) so với cùng kỳ năm 2019. Tính chung 6 tháng đầu năm 2020, sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng ước đạt 79.294 tấn, tăng 0,6% (+499 tấn) so với cùng kỳ năm 2019; trọng lượng xuất chuồng bình quân đạt 84 kg/con.

Chăn nuôi gia cầm trên địa bàn tỉnh 6 tháng đầu năm 2020 không phát sinh dịch bệnh, số lượng đàn phát triển. Đàn gia cầm ước hiện có 8.364 nghìn con, tăng 4,9% (+389 nghìn con); trong đó, đàn gà 5.974 nghìn con, tăng 4,9% (+281 nghìn con) so với cùng kỳ năm 2019. Sản lượng thịt gia cầm các loại xuất chuồng 6 tháng đầu năm ước đạt 14.791 tấn, tăng 7,8% (+1.075 tấn), trong đó sản lượng gà hơi xuất chuồng ước đạt 11.464 tấn, tăng 7,4% (+788 tấn), sản lượng trứng gia cầm 192.852 nghìn quả, tăng 7,1% (+12.813 nghìn quả) so với cùng kỳ năm 2019.

Tính đến ngày 21/02/2020, bệnh dịch tả lợn châu Phi được kiểm soát hoàn toàn và công bố hết dịch tại tất cả các huyện, thành phố. UBND tỉnh yêu cầu các địa phương tập trung chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở, hộ chăn nuôi tập trung tái đàn với phương châm thận trọng, kiểm soát công tác đảm bảo vệ sinh môi trường. Các ngành chức năng phối hợp với các địa phương tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, quy trình kỹ thuật nhằm nâng cao nhận thức về đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường trong hoạt động chăn nuôi lợn.

### ***b. Lâm nghiệp***

Sáu tháng đầu năm 2020, trên địa bàn tỉnh chưa thực hiện trồng rừng mới, toàn tỉnh trồng 480 nghìn cây phân tán các loại, tăng 6,7% (+30 nghìn cây) so với cùng kỳ năm trước. Ngoài việc trồng mới cây phân tán, các địa phương trong tỉnh chú trọng công tác chăm sóc, quản lý và bảo vệ rừng.

Sản lượng gỗ và lâm sản khai thác trên địa bàn tỉnh không lớn, chủ yếu được khai thác từ diện tích cây phân tán. Ước tính 6 tháng đầu năm 2020, sản lượng gỗ khai thác đạt 2.100 m<sup>3</sup>, tăng 1,9% (+39 m<sup>3</sup>); sản lượng củi ước đạt 5.580 ste, tăng 1,2% (+67 ste) so với cùng kỳ năm trước. Tính riêng trong quý II năm 2020, sản lượng gỗ khai thác 1.098 m<sup>3</sup>, tăng 6,6%; sản lượng củi khai thác 2.820 ste, tăng 2,1% so với cùng kỳ năm trước.

### ***c. Thủy sản***

Sáu tháng đầu năm 2020, thời tiết diễn biến tương đối thuận lợi cho sản xuất thủy sản. Sản xuất thủy sản tăng cường áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ, đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng phát triển kinh tế thủy sản theo hình thức thâm canh, bán thâm canh cho các đối tượng nuôi chủ lực ở các vùng tập trung. Phát triển kinh tế thủy sản và bảo vệ nguồn lợi thủy sản của tỉnh theo hướng sản xuất hiệu quả cao và bền vững.

Sản lượng thủy sản quý II/2020 ước đạt 46.091 tấn, tăng 5,5% so với cùng kỳ năm trước; trong đó, sản lượng thủy sản nuôi trồng 27.994 tấn, tăng 8%; sản lượng thủy sản khai thác 18.097 tấn, tăng 1,8%.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2020, sản lượng thủy sản toàn tỉnh ước đạt 81.933 tấn, tăng 5,1% (+3.995 tấn) so với cùng kỳ năm 2019; trong đó, thủy sản nuôi trồng 51.889 tấn, bằng 46,5% kế hoạch năm và tăng 7,2% (+3.471 tấn); thủy sản khai thác 30.044 tấn, bằng 54,6% kế hoạch năm và tăng 1,8% (+524 tấn) so với cùng kỳ năm 2019.

Hiện nay các cơ sở sản xuất giống đang tập trung xuống giống nuôi thả vụ xuân hè, chủ yếu là giống tôm và các loại cá nuôi nước ngọt theo lịch thời vụ. Đến nay các trại giống sản xuất được 8.696 triệu con giống các loại, tăng 6,2% (+504 triệu con giống) so với cùng kỳ năm 2019; trong đó, số lượng tôm sú giống nuôi đạt 82 triệu con, tăng 2,5% (+2 triệu con). Ngành Thủy sản tỉnh tiếp tục đôn đốc các trại giống sản xuất, cung cấp con giống có chất lượng, quản lý chặt chẽ việc sản xuất và nhập giống của các cơ sở sản xuất kinh doanh giống thủy sản.

### **3. Sản xuất công nghiệp - Đầu tư và Xây dựng - Tình hình hoạt động của doanh nghiệp**

#### ***a. Sản xuất công nghiệp***

*Trước tình hình dịch Covid-19 cơ bản được kiểm soát, cả nước bước sang giai đoạn vừa phòng, chống dịch bệnh vừa khôi phục và phát triển kinh tế, hoạt động sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh đã có tín hiệu tích cực khi chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 6/2020 đạt mức tăng 6,65% so với tháng trước và tăng 7,98% so với cùng kỳ năm 2019. Tính chung 6 tháng, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 5,20% so với cùng kỳ năm trước, đây là mức tăng thấp nhất trong nhiều năm qua.*

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 6 năm 2020 ước tăng 6,65% so với tháng trước và tăng 7,98% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Chỉ số sản xuất ngành công nghiệp khai khoáng tăng 25,40% so với tháng trước và giảm 38,68% so với cùng kỳ năm trước; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 6,74% so với tháng trước và tăng 8,35% so với cùng kỳ năm trước; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng và điều hòa không khí tăng 2,68% so với tháng trước và giảm 6,4% so với cùng kỳ năm trước; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 4,32% so với tháng trước và tăng 2,67% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2020, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 5,20% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành công nghiệp khai khoáng giảm 35,61%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 5,37%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng và điều hòa không khí tăng 1,11%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 0,06% so với cùng kỳ năm trước.

Riêng trong quý II năm 2020, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 2,09% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức tăng 8,65% của quý I. Trong đó, công nghiệp khai khoáng giảm 48,21%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 2,25%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng và điều hòa không khí giảm 2,86%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải giảm 1,01% so với cùng kỳ năm trước.

Sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh 6 tháng đầu năm có một số sản phẩm tăng khá so với cùng kỳ năm trước: Thịt lợn đông lạnh tăng 14,5%; nước mắm tăng 7%; bánh kẹo các loại tăng 4%; sợi các loại tăng 15,9%; vải các loại tăng 10,8%; quần áo may sẵn tăng 4,1%; giày, dép tăng 4,3%; sản phẩm in tăng 5,7%; thuốc dạng viên các loại tăng 10,5%;... Một số sản phẩm có sản lượng sản xuất giảm so với cùng kỳ năm trước: Muối biển, gạo xay xát, bia hơi, gỗ cửa hoặc xẻ, sản phẩm mây tre đan các loại, cửa ra vào, cửa sổ bằng sắt, thép, máy đập tuốt lúa, phụ tùng xe đạp.

Chỉ số sử dụng lao động của doanh nghiệp sản xuất công nghiệp tháng 6 tăng 0,18% so với tháng trước và tăng 2,89% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, doanh nghiệp ngoài Nhà nước tăng 0,45%, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài giảm 0,13% và doanh nghiệp Nhà nước không có biến động so với tháng trước. Các ngành công nghiệp cấp II có chỉ số sử dụng lao động tại thời điểm 01/6/2020 tăng so với cùng kỳ năm trước: Sản xuất trang phục tăng 0,09%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 11,83%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 4,27%; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất tăng 1%;... Bên cạnh đó, các ngành có chỉ số sử dụng lao động tại thời điểm 01/6/2020 giảm so với cùng thời điểm năm trước: Sản xuất, chế biến thực phẩm giảm 19,05%; dệt giảm 3,4%; in, sao chép bản ghi các loại giảm 8,74%;...

Tính chung 6 tháng đầu năm, chỉ số sử dụng lao động của doanh nghiệp sản xuất công nghiệp tăng 4,66% so với cùng kỳ năm trước; trong đó, doanh nghiệp Nhà nước giảm 1,26%, doanh nghiệp ngoài Nhà nước tăng 0,58% và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 12,82%.

### **b. Đầu tư và xây dựng**

*Trong bối cảnh tình hình dịch Covid-19 trên cả nước đã được kiểm soát tốt, hoạt động đầu tư xây dựng trở lại hoạt động bình thường. Việc thi công các công trình xây dựng nhất là các công trình trọng điểm thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước được các nhà thầu tập trung đẩy nhanh tiến độ: Giao thông, đô thị, văn hóa,... Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn đạt mức tăng trưởng khá so với cùng kỳ (+10,3%).*

*Thực hiện nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý:* Ước tính tháng 6/2020, vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý thực hiện 287,2 tỷ đồng, đạt 7,1% kế hoạch năm, trong đó vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh 210,6 tỷ đồng, đạt 7%; vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện 35 tỷ đồng, đạt 8%; vốn ngân sách Nhà nước cấp xã 41,6 tỷ đồng, đạt 7% kế hoạch năm.

Ước tính quý II/2020, tổng vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý thực hiện 692,7 tỷ đồng, đạt 17,1% kế hoạch năm; trong đó, vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh 499,3 tỷ đồng, đạt 16,6%; vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện 88,8 tỷ đồng, đạt 20,2%; vốn ngân sách Nhà nước cấp xã 104,6 tỷ đồng, đạt 17,7% kế hoạch năm.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2020, tổng vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý thực hiện 1.222,7 tỷ đồng, đạt 30,3% kế hoạch năm, trong đó vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh 884,6 tỷ đồng, đạt 29,4%; vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện 148,5 tỷ đồng, đạt 33,7%; vốn ngân sách Nhà nước cấp xã 189,6 tỷ đồng, đạt 32,1% kế hoạch năm.

*Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn:* Sáu tháng đầu năm 2020, vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn được tập trung trên tất cả các khu vực. Nguồn vốn Nhà nước được tập trung vào các công trình trọng điểm của tỉnh, như các công trình trong lĩnh vực giao thông, đô thị, văn hóa. Nguồn vốn ngoài Nhà nước tập trung chủ yếu vào khu vực dân cư, xây dựng sửa chữa nhà cửa, mua sắm trang thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh. Một số dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài tiếp tục được đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh.

Sáu tháng đầu năm, vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn ước đạt 16.020,5 tỷ đồng, tăng 10,3% so với cùng kỳ năm trước; trong đó vốn Nhà nước 2.583,6 tỷ đồng, tăng 9,3%; vốn ngoài Nhà nước 11.671,9 tỷ đồng, tăng 10,4%; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài 1.765 tỷ đồng, tăng 11,3% so với cùng kỳ năm trước.

Tính riêng quý II/2020, vốn đầu tư phát triển trên địa bàn ước đạt 8.455,4 tỷ đồng, tăng 8,9% so với cùng kỳ năm trước; trong đó vốn Nhà nước 1.413,4 tỷ đồng, tăng 9,6%; vốn ngoài Nhà nước 6.116,6 tỷ đồng, tăng 8,1%; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài 925,4 tỷ đồng, tăng 13,3% so với cùng kỳ năm trước.

Mặc dù gặp khó khăn về vốn nhưng tỉnh đã quan tâm, tập trung tháo gỡ đảm bảo vốn cho các công trình trọng điểm, các công trình an sinh xã hội. Thường xuyên kiểm tra, rà soát tiến độ thi công các công trình dự án và có những giải pháp cụ thể giải quyết khó khăn về giải phóng mặt bằng, điều kiện thi công; chú trọng nâng cao năng lực tổ chức, quản lý, điều hành và trách nhiệm trong việc thực hiện đầu tư xây dựng để nâng cao chất lượng các dự án. Tập trung triển khai

thực hiện một số dự án lớn, công trình trọng điểm của tỉnh: Tượng đài cố Tổng Bí thư Trường Chinh, dự án xử lý cấp bách các công trình đê điều, Cầu Thịnh Long, dự án xây dựng đường trục nối Vùng kinh tế biển với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình, dự án Khu Trung tâm lễ hội thuộc Khu di tích lịch sử - văn hóa thời Trần, tỉnh lộ 485B, 487B, 488B.

Hoạt động xây dựng 6 tháng đầu năm 2020 có một số thuận lợi về giá cả vật tư, giá nhân công ổn định, các ngành kinh tế trở lại hoạt động bình thường sau khi dịch Covid-19 được kiểm soát, song vẫn gặp nhiều khó khăn do nguồn vốn hạn hẹp, thiếu đội ngũ công nhân kỹ thuật xây lắp có tay nghề cao,... Được sự quan tâm của các cấp, các ngành và sự nỗ lực của các doanh nghiệp xây dựng nên hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh có những chuyển biến tích cực, nhiều công trình và hạng mục công trình đang được triển khai thi công đảm bảo tiến độ.

### ***c. Tình hình hoạt động của doanh nghiệp***

*Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, tình hình hoạt động của doanh nghiệp 6 tháng đầu năm 2020 gặp nhiều khó khăn. Số lượng doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, vốn đăng ký mới và vốn đăng ký tăng thêm của các doanh nghiệp giảm so với cùng kỳ năm trước. Số lượng doanh nghiệp nhỏ tạm ngừng hoạt động, giải thể có xu hướng tăng lên.*

Tính đến ngày 19/6/2020, toàn tỉnh có 368 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng vốn đăng ký 2.957 tỷ đồng, giảm 7,1% về số lượng doanh nghiệp (giảm 28 doanh nghiệp) và giảm 21,4% về vốn đăng ký (giảm 807 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm trước. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp đạt 8 tỷ đồng, giảm 15,5% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, còn có 140 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 14,8% so với cùng kỳ năm trước.

Số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động, giải thể, phá sản, bỏ địa chỉ kinh doanh trong 6 tháng đầu năm 2020 là 534 doanh nghiệp, tăng 49,5% (tăng 87 doanh nghiệp) so với cùng kỳ năm trước.

Xu hướng sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp: Quý II/2020, có 34,7% số doanh nghiệp đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh tăng; 37,1% doanh nghiệp SXKD ổn định và 28,2% doanh nghiệp đánh giá tình hình SXKD khó khăn hơn so với quý trước. Theo loại hình sở hữu: 14,3% doanh nghiệp Nhà nước đánh giá tình hình SXKD tốt hơn, 71,4% giữ ổn định và 14,3% khó khăn; 39% doanh nghiệp ngoài Nhà nước đánh giá tình hình SXKD tốt hơn; 30,5% giữ ổn định và 30,5% gặp khó khăn; 8,3% doanh nghiệp FDI đánh giá tình hình SXKD tốt hơn, 75% giữ ổn định và 16,7% khó khăn hơn so với quý trước.



Xu hướng SXKD quý III/2020: Có 79,5% số doanh nghiệp dự báo tình hình sản xuất kinh doanh tăng lên; 13,9% doanh nghiệp SXKD giữ ổn định và 6,6% khó khăn hơn so với quý trước. Theo loại hình sở hữu: 100% doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp FDI dự báo tình hình SXKD tốt lên và giữ ổn định so với quý trước; 92,2% doanh nghiệp ngoài Nhà nước dự báo tình hình SXKD tốt lên và giữ ổn định; 7,8% doanh nghiệp ngoài Nhà nước dự báo tình hình SXKD khó khăn hơn so với quý trước.

Theo kết quả khảo sát đối với 3.999 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh (chiếm trên 60% tổng số doanh nghiệp đang hoạt động) nhằm đánh giá tác động của dịch Covid-19 đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp: Tại thời điểm điều tra (từ ngày 10/4/2020 đến ngày 20/4/2020), có tới 79,1% số doanh nghiệp trên phạm vi toàn tỉnh bị tác động của dịch Covid-19. Theo quy mô, các doanh nghiệp nhỏ chịu tác động của dịch chiếm tỷ lệ cao nhất với 90,9%; tiếp đến là doanh nghiệp lớn 90,2%; nhóm doanh nghiệp vừa 88,6% và doanh nghiệp siêu nhỏ 71,9%. Theo loại hình doanh nghiệp: Doanh nghiệp FDI là đối tượng đang chịu nhiều tác động của dịch Covid-19 nhất, với 93,7%; tỷ lệ này đối với nhóm doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp ngoài Nhà nước lần lượt là 82,8% và 80%. Theo khu vực kinh tế: Khu vực công nghiệp và xây dựng, khu vực dịch vụ chịu tác động nhiều nhất từ dịch Covid-19 với tỷ lệ doanh nghiệp bị tác động lần lượt là 91,3% và 81,4%; trong khi khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chịu ảnh hưởng ít hơn với 65,5%. Những khó khăn chủ yếu đối với doanh nghiệp do tác động của dịch Covid-19 đối với doanh nghiệp là:

Thị trường tiêu thụ bị thu hẹp: Theo khảo sát, toàn tỉnh có 55,4% số doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 cho rằng thị trường tiêu thụ trong nước bị thu hẹp; có 23,9% doanh nghiệp trả lời hàng hóa sản xuất ra không tiêu thụ được trong nước. Đặc biệt là có 56,5% các doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu khẳng định thời gian qua hàng hóa sản xuất ra không xuất khẩu được. Các doanh nghiệp ngành dệt, ngành may mặc và da giày có tỷ lệ doanh nghiệp không xuất khẩu được hàng hóa lần lượt là 63,2%; 56,9% và 50%.

Thị trường cung cấp nguyên liệu đầu vào bị thiếu hụt: Tính đến thời điểm khảo sát, có 43,6% doanh nghiệp bị thiếu hụt nguyên liệu đầu vào từ nhập khẩu do thị trường nhập khẩu của tỉnh chủ yếu đều là các nước đang phải hứng chịu hậu quả từ dịch như: Hàn Quốc, Trung Quốc, Nhật Bản,... Các doanh nghiệp thuộc nhóm ngành dệt, may mặc và da giày sử dụng nguyên liệu nhiều từ nhập khẩu, tỷ lệ doanh nghiệp thiếu hụt nguyên liệu đầu vào là 47,8% đối với ngành dệt, may mặc 39,2% và ngành da giày 33,3%.

Thiếu hụt nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh: Có 49,4% số doanh nghiệp khảo sát đang bị thiếu vốn cho sản xuất kinh doanh. Trong đó, các doanh nghiệp thuộc khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản có tỷ lệ thiếu hụt vốn cao nhất với 67% số doanh nghiệp; khu vực công nghiệp và xây dựng 52,4% và khu vực dịch vụ là 45,1%.

#### **4. Thương mại - Giá cả - Dịch vụ**

##### ***a. Tình hình nội thương***

*Do ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19 tác động tâm lý người tiêu dùng hạn chế mua sắm nơi công cộng, đi du lịch và ăn uống ngoài gia đình, cầu tiêu dùng trong dân giảm nên tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 6 tháng đầu năm 2020 tăng chậm lại và tăng thấp so với cùng kỳ các năm trước (+4,7%).*

Trong tháng 6, sau khi thực hiện việc nới lỏng giãn cách xã hội trong công tác phòng chống dịch Covid-19, tình hình lưu thông hàng hóa và dịch vụ trên thị trường có nhiều chuyển biến tích cực, thị trường hàng hóa đa dạng được mở rộng. Các đơn vị kinh doanh trong tỉnh tăng cường triển khai hệ thống mạng lưới bán hàng, thực hiện các biện pháp nhằm kích cầu mua sắm của người tiêu dùng như: Đưa ra các sản phẩm phong phú, khuyến mại, giảm giá, miễn phí các dịch vụ vận chuyển, lắp đặt thiết bị máy móc,...

Ước tính tháng 6, tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ đạt 3.942 tỷ đồng, tăng 10,3% so với cùng kỳ năm trước. Ước tính quý II/2020, tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ trên địa bàn đạt 10.805,1 tỷ đồng, tăng 1,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, thương nghiệp 9.644,9 tỷ đồng, tăng 3,3%; lưu trú và ăn uống 578,6 tỷ đồng, giảm 20,7%; du lịch lữ hành 1,8 tỷ đồng, giảm 61%; dịch vụ khác 579,8 tỷ đồng, giảm 7% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 6 tháng, tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ đạt 22.949,4 tỷ đồng, tăng 4,7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó, thương nghiệp 20.457,4 tỷ đồng, tăng 6,3%; lưu trú và ăn uống 1.240,3 tỷ đồng, giảm 13,4%; ngành du lịch lữ hành 4,9 tỷ đồng, giảm 46,7%; dịch vụ khác 1.246,8 tỷ đồng, giảm 0,2% so với cùng kỳ năm trước.

##### *- Hoạt động lưu trú và ăn uống, du lịch và lữ hành*

Ước tính tháng 6/2020, doanh thu ngành lưu trú đạt 28 tỷ đồng và 86,8 nghìn lượt khách, tăng 32,3% về doanh thu và tăng 19% về lượt khách; doanh thu dịch vụ ăn uống 223,7 tỷ đồng, tăng 10,4%; hoạt động du lịch và lữ hành 0,9 tỷ đồng và 1,2 nghìn lượt khách, tăng 8,1% về doanh thu và tăng 9% về lượt khách; dịch vụ khác 230,6 tỷ đồng, tăng 4,2% so với tháng trước.

Ước thực hiện quý II/2020, doanh thu ngành lưu trú đạt 58,3 tỷ đồng và 190,1 nghìn lượt khách, giảm 37,7% về doanh thu và giảm 26,9% về lượt khách; doanh thu dịch vụ ăn uống 520,3 tỷ đồng, giảm 18,2%; hoạt động du lịch và lữ hành đạt 1,8 tỷ đồng và 2,6 nghìn lượt khách, giảm 61% về doanh thu và giảm 65,4% về lượt khách; dịch vụ tiêu dùng khác 579,8 tỷ đồng, giảm 7% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2020, doanh thu ngành lưu trú đạt 121,1 tỷ đồng và 401,5 nghìn lượt khách, giảm 25,4% về doanh thu và giảm 18,9% về lượt khách; doanh thu dịch vụ ăn uống 1.119,2 tỷ đồng, giảm 11,9%; hoạt động du lịch và lữ hành đạt 4,9 tỷ đồng và 7,2 nghìn lượt khách, giảm 46,7% về doanh thu và giảm 50,4% về lượt khách; dịch vụ khác 1.246,8 tỷ đồng, giảm 0,2% so với cùng kỳ năm trước.

*- Công tác quản lý thị trường*

Những tháng đầu năm 2020, thực hiện nghiêm sự chỉ đạo của Bộ Công thương, Tổng cục Quản lý thị trường, Ủy ban nhân dân tỉnh, Cục Quản lý thị trường tỉnh tăng cường kiểm tra, kiểm soát, qua đó phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm, góp phần ổn định thị trường, đảm bảo an sinh xã hội. Bên cạnh đó, Cục Quản lý thị trường tỉnh kết hợp với các ngành chức năng tập trung chỉ đạo và phát động lực lượng đẩy mạnh công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm, góp phần ổn định thị trường. Phối hợp chặt chẽ với các cấp, các ngành kiểm tra, xử lý vi phạm ở các cơ sở kinh doanh trong việc thực hiện niêm yết giá, kiểm định, ghi nhãn mác; buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng, gian lận thương mại;... Trong 6 tháng đầu năm 2020, lực lượng Quản lý thị trường tỉnh tiến hành kiểm tra 648 lượt vụ, phát hiện và xử lý 318 vụ vi phạm hành chính với 350 hành vi vi phạm, xử phạt vi phạm hành chính 970,9 triệu đồng, hàng hoá tịch thu trị giá 276 triệu đồng; trong đó hàng cấm, hàng lậu 34 hành vi; vi phạm về hàng giả và quyền sở hữu trí tuệ 9 hành vi; vi phạm trong lĩnh vực giá 163 hành vi; vi phạm trong kinh doanh 22 hành vi; vi phạm về vệ sinh an toàn thực phẩm 8 hành vi và vi phạm khác 114 hành vi.

***b. Xuất nhập khẩu***

*Hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa trong 6 tháng đầu năm 2020 chịu ảnh hưởng tiêu cực bởi đại dịch Covid-19, giá trị xuất khẩu hàng may mặc và lâm sản giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước. Tuy vậy, giá trị xuất khẩu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài vẫn giữ được mức tăng so với cùng kỳ.*

Tổng trị giá hàng hóa xuất khẩu tháng 6 ước đạt 150,5 triệu USD, tăng 5,7% so với tháng trước và giảm 19,3% so với cùng kỳ năm trước; trong đó, khu vực Nhà nước 2,4 triệu USD, giảm 51,3%; khu vực ngoài Nhà nước 53 triệu USD, giảm 12,8%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 95 triệu USD, giảm 21,3% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 6 tháng đầu năm 2020, tổng trị giá hàng hóa xuất khẩu ước đạt 886 triệu USD, giảm 1,3% so với cùng kỳ năm trước; trong đó, khu vực Nhà nước 14,8 triệu USD, giảm 44,2%; khu vực ngoài Nhà nước 326,2 triệu USD, giảm 4,4%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 545 triệu USD, tăng 2,9% so với cùng kỳ năm trước. Riêng trong quý II/2020, tổng trị giá hàng hóa xuất khẩu ước đạt 436,4 triệu USD, giảm 13,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực Nhà nước 7,3 triệu USD, giảm 49,5%; khu vực ngoài Nhà nước 150,2 triệu USD, giảm 17,3%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 278,9 triệu USD, giảm 10,2% so với cùng kỳ năm trước. Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu là hàng may mặc, túi xách, giày, dép và lâm sản.

Tổng trị giá hàng hóa nhập khẩu tháng 6 ước đạt 77 triệu USD, giảm 12,9% so với tháng trước và giảm 35,6% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 6 tháng, trị giá hàng hóa nhập khẩu ước đạt 550,5 triệu USD, giảm 0,4% so với cùng kỳ năm trước; trong đó, khu vực ngoài Nhà nước 216,9 triệu USD, tăng 8,8%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 317,1 triệu USD, giảm 5,9%; khu vực Nhà nước 16,4 triệu USD giữ mức tương đương so với cùng kỳ năm trước. Riêng trong quý II/2020, tổng trị giá hàng hóa nhập khẩu ước đạt 288,2 triệu USD, giảm 8,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực Nhà nước 8,8 triệu USD, giảm 10,9%; khu vực ngoài Nhà nước 110,4 triệu USD, tăng 9,8%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 169,1 triệu USD, giảm 17,8% so với cùng kỳ năm trước. Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là nguyên phụ liệu may, da và các mặt hàng liên quan, hàng bông, xơ, sợi dệt.

### **c. Giá cả**

*Nhìn chung 6 tháng đầu năm, giá cả các mặt hàng thiết yếu phục vụ cho nhu cầu sản xuất và đời sống nhân dân trên địa bàn tỉnh tương đối ổn định. Tuy nhiên chỉ số giá bình quân 6 tháng đầu năm 2020 so với cùng kỳ năm trước vẫn ở mức khá cao (+5,44%), cao hơn bình quân cùng kỳ năm trước và của cả nước, nguyên nhân chủ yếu do nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng cao (+15%).*

Trong tháng 6, chỉ số giá tiêu dùng chung tăng 0,17% so với tháng trước và tăng 4,20% so với cùng kỳ năm trước; giá vàng tăng 0,47% và giá Đô la Mỹ giảm 0,63% so với tháng trước. Trong các nhóm hàng hóa, 4 nhóm hàng hóa tăng so với tháng trước: Đồ uống và thuốc lá tăng 0,03%; giao thông tăng 6,83%; văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,59%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,08%. Có 5 nhóm hàng hóa giảm so với tháng trước: Hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,26%; may mặc, mũ nón, giày dép giảm 0,09%; nhà ở, điện nước, chất đốt và VLXD giảm 1,75%; thiết bị và đồ dùng gia đình giảm 0,08%; bưu chính viễn thông giảm 0,12%. Các nhóm hàng còn lại giữ mức ổn định so với tháng trước.

Chỉ số giá tiêu dùng hàng hóa và dịch vụ bình quân 6 tháng đầu năm nay tăng 5,44% so với cùng kỳ năm 2019. Trong 11 nhóm hàng hóa có 6 nhóm tăng: Hàng ăn và dịch vụ ăn uống; đồ uống và thuốc lá; nhà ở, điện nước, chất đốt và VLXD; thuốc và dịch vụ y tế; giáo dục; hàng hóa dịch vụ khác; trong đó, tăng nhiều nhất là nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 15%. 5 nhóm hàng còn lại giảm, trong đó giảm nhiều nhất là nhóm giao thông giảm 9,01%. Bình quân 6 tháng đầu năm, chỉ số giá vàng tăng 24,13%; chỉ số giá Đô la Mỹ tăng 0,29% so với cùng kỳ năm trước.

#### **d. Giao thông vận tải**

*Diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 tác động trực tiếp tới hoạt động vận tải 6 tháng đầu năm 2020, trong đó vận tải hành khách chịu ảnh hưởng lớn khi lượng khách vận chuyển trong 6 tháng đầu năm giảm so với cùng kỳ năm trước (-6,8%); khối lượng hàng hóa vận chuyển giữ mức ổn định hơn (-0,3%). Sau khi dừng hoạt động giãn cách xã hội, hoạt động vận tải trên địa bàn tỉnh phục hồi và hoạt động ổn định trở lại.*

Ước tính tháng 6 năm 2020, doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 447,4 tỷ đồng, tăng 6,3% so với tháng trước và giảm 1,6% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 6 tháng đầu năm 2020, doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 2.549,3 tỷ đồng, giảm 4% so với cùng kỳ năm trước.

Ước tính tháng 6, vận tải hành khách đạt 1.624 nghìn lượt người, giảm 8,6% và 166,6 triệu lượt người.km, giảm 5,4% so với cùng kỳ năm trước. Vận tải hàng hoá đạt 3.063 nghìn tấn, tăng 3,9% và 682 triệu tấn.km, tăng 12% so với cùng kỳ năm trước.

Ước thực hiện quý II/2020, vận tải hành khách đạt 4.149 nghìn lượt người, giảm 21,6% và 402,4 triệu lượt người.km, giảm 23,6% so với cùng kỳ năm trước. Vận tải hàng hoá đạt 8.135 nghìn tấn, giảm 7,2% và 1.792,1 triệu tấn.km, giảm 2,2% so với cùng kỳ năm trước.

## **II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI**

### **1. Đời sống dân cư**

*Sáu tháng đầu năm 2020, tình hình đời sống các tầng lớp dân cư trên địa bàn tỉnh nhìn chung ổn định, không còn hộ thiếu đói xảy ra. Tình hình kinh tế, xã hội phát triển ổn định, các chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được các cấp, các ngành quan tâm và đảm bảo; giá cả các mặt hàng thiết yếu phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân tương đối ổn định.*

Thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

các cấp, các ngành trong tỉnh triển khai thực hiện đảm bảo công khai, đúng đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ. Tính đến ngày 15/6/2020, đã cơ bản hoàn thành việc chi trả hỗ trợ cho 249.463 đối tượng với số tiền khoảng 274 tỷ đồng; trong đó, người có công 41.421 người, số tiền 62 tỷ đồng; đối tượng bảo trợ xã hội 75.220 người, số tiền 112,4 tỷ đồng; hộ nghèo 11.203 người, số tiền 8,3 tỷ đồng; hộ cận nghèo 121.619 người, số tiền 91,2 tỷ đồng. Phê duyệt danh sách và bổ sung kinh phí hỗ trợ 5.091 đối tượng là người lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp, người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm, hộ kinh doanh với số tiền hỗ trợ 5.091 triệu đồng.

Đời sống của cán bộ công nhân viên chức so với mặt bằng chung có mức thu nhập ổn định hơn thu nhập của người lao động khối sản xuất. Thu nhập của cán bộ, công nhân viên chức, người lao động cao hơn so với cùng kỳ năm trước. Tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, gây ảnh hưởng nhiều đến đời sống, sinh hoạt của nhân dân, thiệt hại về kinh tế của các doanh nghiệp. Nhưng được sự quan tâm chỉ đạo quyết liệt của các cấp, các ngành nên tình hình lao động việc làm trên địa bàn tỉnh được đảm bảo. Thu nhập của người lao động trong các doanh nghiệp ổn định. Đời sống dân cư khu vực nông thôn được cải thiện. Phong trào xây dựng nông thôn mới phát huy tác dụng tích cực, cơ sở hạ tầng có bước phát triển, mức sống khu vực nông thôn được nâng lên, tình hình an ninh chính trị trên địa bàn ổn định.

*Thực hiện chính sách với người có công:* Hoạt động đền ơn đáp nghĩa, tưởng nhớ, tri ân những người có công với cách mạng luôn được các cấp ủy Đảng, chính quyền, ban ngành, đoàn thể và nhân dân quan tâm bằng những hành động cụ thể, thiết thực. Trong quý II năm 2020, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh tập trung giải quyết chế độ chính sách cho 1.855 trường hợp đối tượng người có công và thân nhân người có công được hưởng đầy đủ các chế độ chính sách của Nhà nước.

Các cấp, các ngành trong tỉnh giải quyết việc cấp mua thẻ BHYT, cấp bằng Tổ quốc ghi công và đề nghị các cơ quan có thẩm quyền giải quyết chính sách cho người có công. Hội đồng Giám định y khoa tỉnh giám định cho 10 trường hợp đề nghị giải quyết chế độ chất độc hóa học.

Ngày 16/6/2020, Tạp chí Việt Nam Hội nhập phối hợp cùng một số doanh nghiệp, doanh nhân tổ chức chương trình “Kết nối tri ân 2020” tại xã Xuân Đài (huyện Xuân Trường). Tại chương trình, lãnh đạo Tòa soạn cùng các doanh nghiệp, doanh nhân trao tặng 100 suất quà trị giá 100 triệu đồng cho các gia đình chính sách có hoàn cảnh khó khăn.

*Công tác xoá đói giảm nghèo:* Giảm nghèo bền vững là một trong những nhiệm vụ ưu tiên trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo giảm dần qua từng năm và theo hướng bền vững. Theo số liệu chính thức điều tra hộ nghèo năm 2019 do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh cung cấp, tỷ lệ hộ nghèo còn 1,53% (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020) giảm 0,62 điểm phần trăm so với năm 2018; tỷ lệ hộ cận nghèo 6,09% giảm 0,28 điểm phần trăm so với năm 2018.

Theo báo cáo của Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh, 5 tháng đầu năm 2020 doanh số cho vay hộ nghèo 17 tỷ đồng, với 332 lượt khách hàng; doanh số cho vay hộ cận nghèo 163,9 tỷ đồng, với 3.169 lượt khách hàng; doanh số cho vay hộ mới thoát nghèo 92 tỷ đồng, với 1.767 lượt khách hàng; doanh số cho vay giải quyết việc làm 18,5 tỷ đồng, với 423 lượt khách hàng; doanh số cho vay đối tượng là học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn 14,3 tỷ đồng, với 45 lượt khách hàng vay vốn từ đầu năm và 1.593 lượt khách hàng cũ vay tiếp học kỳ II; cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường 135,3 tỷ đồng, với 6.773 lượt khách hàng.

*Bảo trợ xã hội:* Phát huy truyền thống “lá lành đùm lá rách” của cộng đồng đối với những người có hoàn cảnh khó khăn, góp phần đảm bảo an sinh xã hội; kết quả trong quý II năm 2020, các cấp, các ngành cùng sự chung tay góp sức của các đoàn thể, tổ chức xã hội, doanh nghiệp, cá nhân và cộng đồng đã vận động và trao tặng tiền và quà cho các đối tượng thuộc diện hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn với tổng số tiền 7,7 tỷ đồng và nhiều hiện vật có giá trị khác, cụ thể:

Hưởng ứng thư kêu gọi “Toàn dân tham gia ủng hộ phòng, chống dịch Covid-19” của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, đến ngày 08/5/2020, ở cấp tỉnh có 89 đơn vị, doanh nghiệp, cá nhân ủng hộ số tiền trên 2,7 tỷ đồng và hiện vật gồm 6 tấn gạo, 68.500 chiếc khẩu trang, 2.050 chai nước rửa tay, 10 tủ y tế đựng mẫu bệnh phẩm, 4.800 chai nước thảo mộc; cấp huyện, thành phố nhận được tổng số tiền trên 4,79 tỷ đồng ủng hộ của các đơn vị, doanh nghiệp, cá nhân trên địa bàn; trong đó chuyển về Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh 1,8 tỷ đồng và hiện vật gồm 54.700 chiếc khẩu trang và 1.076 chai nước diệt khuẩn.

Thực hiện kế hoạch “Tháng Thanh niên năm 2020”, Huyện Đoàn Trực Ninh tổ chức bàn giao nhà tình nghĩa cho 2 gia đình có hoàn cảnh khó khăn tại xã Liêm Hải và thị trấn Cát Thành tổng trị giá 115 triệu đồng do Ban Thường vụ Huyện Đoàn, đoàn viên, thanh niên, các ban, ngành, đoàn thể, các nhà hảo tâm ủng hộ.

Ngày 09/5/2020, Chi cục Quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản (Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn) phối hợp với Hiệp hội Nông nghiệp sạch tỉnh vận động các thành viên là doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh nông sản thực phẩm đóng góp ủng hộ 90 suất gạo, mỗi suất trị giá 150 nghìn đồng cho các gia đình khó khăn, gia đình hộ nghèo, hộ cận nghèo và gia đình chính sách của 6 phường trên địa bàn thành phố Nam Định.

Ngày 09/5/2020, Công đoàn Khu Công nghiệp Bảo Minh (huyện Vụ Bản), phối hợp với Hội Chữ thập đỏ tỉnh tổ chức chương trình hiến máu tình nguyện. Kết thúc chương trình, Ban tổ chức tiếp nhận được 173 đơn vị máu. Ngày 24/5/2020, Huyện Đoàn Giao Thủy phối hợp với Liên đoàn Lao động huyện tổ chức chương trình hiến máu tình nguyện. Kết quả, Ban tổ chức vận động và tiếp nhận được 441 đơn vị máu. Ngày 10/6/2020, tại Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định, Tỉnh Đoàn phối hợp với Ban chỉ đạo vận động hiến máu tình nguyện tỉnh tổ chức chương trình hiến máu tình nguyện năm 2020. Chương trình thu hút 500 cán bộ, giáo viên, sinh viên nhà trường tham gia hiến máu tình nguyện và thu được hơn 200 đơn vị máu.

Hưởng ứng Tháng Nhân đạo năm 2020, Hội Chữ thập đỏ huyện Hải Hậu phối hợp với các doanh nghiệp, nhà hảo tâm tổ chức chương trình tặng 52 suất quà cho các đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trên địa bàn, mỗi suất trị giá 500 nghìn đồng. Ngoài ra, một số doanh nghiệp trợ giúp số tiền 15 triệu đồng cho một hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn ở xã Hải Phương. Ngày 28/5/2020, Hội chữ thập đỏ tỉnh phối hợp với Hội Chữ thập đỏ huyện Nghĩa Hưng ủng hộ 40 triệu đồng khởi công xây dựng nhà “Chữ thập đỏ” cho một hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn ở Xóm 2, xã Nghĩa Châu, huyện Nghĩa Hưng.

## **2. Giáo dục**

Để chuẩn bị cho kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 và kỳ thi tốt nghiệp THPT năm học 2019-2020, hiện nay, việc dạy học và ôn thi của các trường THCS, THPT đang được thực hiện tích cực, gấp rút đúng theo chương trình đã tinh giản và theo chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đối với các trường THCS, thí sinh đăng ký dự thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT không chuyên làm 2 bài thi Ngữ văn và Toán, không thi bài tổng hợp. Kỳ thi tuyển sinh lớp 10 THPT chuyên Lê Hồng Phong diễn ra trong 3 ngày 08, 09 và ngày 10/7/2020; thi vào lớp 10 THPT không chuyên diễn ra trong 2 ngày 22, 23/7/2020.

Ngày 12/6/2020, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh tổ chức hội nghị tập huấn nghiệp vụ công tác thi tốt nghiệp THPT và tuyển sinh Đại học, Cao đẳng năm 2020. Điểm mới của kỳ thi năm nay là UBND tỉnh chịu trách nhiệm toàn diện về tổ chức kỳ thi tại địa phương. Các trường đại học chỉ tham gia ở khâu thanh tra, kiểm tra, giám sát kỳ thi. Ngoài các đoàn thanh tra của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo, lần đầu tiên Thanh tra tỉnh sẽ có các đoàn tham gia thanh tra các khâu của kỳ thi.



Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020 toàn tỉnh có khoảng 18 nghìn thí sinh đăng ký dự thi. Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại của thí sinh, tỉnh dự kiến bố trí 33 điểm thi tại tất cả các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh.

### 3. Y tế

Công tác phòng chống dịch Covid-19: Các cấp, các ngành thực hiện nghiêm chỉ đạo của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương về phòng, chống dịch Covid-19; nhất là thực hiện cách ly toàn xã hội, giãn cách xã hội theo Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ. UBND tỉnh ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống dịch Covid-19, thành lập Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch và xây dựng Kế hoạch ứng phó với từng cấp độ dịch bệnh trên địa bàn tỉnh. Chỉ đạo các cơ sở y tế chuẩn bị các điều kiện sẵn sàng tiếp nhận, sàng lọc, điều trị bệnh nhân; thực hiện rà soát, cách ly, xét nghiệm theo quy định đối với những người có triệu chứng nghi nhiễm, người trở về từ vùng có dịch hoặc đi qua vùng có dịch; đưa vào hoạt động Hệ thống xét nghiệm sinh học phân tử để xét nghiệm sàng lọc SARS-COVI-2. Chỉ đạo cho học sinh, sinh viên tạm thời nghỉ học; tạm dừng tổ chức các lễ hội; tạm dừng các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch, một số hoạt động kinh doanh dịch vụ và các hoạt động tập trung đông người; thiết lập 2 đường dây nóng tuyến tỉnh và 10 đường dây nóng tại các huyện, thành phố; thành lập 4 chốt kiểm soát liên ngành phòng, chống dịch Covid-19 tại các cửa ngõ ra, vào địa bàn tỉnh bằng đường bộ. Thực hiện nói lỏng các hạn chế cách ly, giãn cách xã hội, đưa các hoạt động kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh sang trạng thái “bình thường mới” theo Kết luận của Thủ tướng Chính phủ. Đến nay, trên địa bàn tỉnh chưa ghi nhận trường hợp nào dương tính với SARS-COVI-2.

Năm 2020, với mục tiêu “Chủ động kiểm soát tốt dịch bệnh, không để bùng phát dịch bệnh”, ngành Y tế tiếp tục tăng cường triển khai nhiều giải pháp phòng chống dịch bệnh; chủ động phòng chống bệnh sốt xuất huyết; tổ chức giám sát phát hiện sớm, xử lý dịch bệnh kịp thời; nâng cao tỷ lệ tiêm chủng. Do vậy, tính đến hết tháng 5 năm 2020, trên địa bàn tỉnh không có dịch lớn xảy ra và tử vong do dịch.

Tháng 5/2020, toàn tỉnh ghi nhận 10 ca bệnh tay chân miệng, 705 ca cúm, 6 ca nghi sốt xuất huyết. Trong 5 tháng đầu năm 2020, tình hình bệnh dịch trên địa bàn tỉnh giảm so với cùng kỳ năm trước: 22 ca quai bị, giảm 4 ca; 1.672 ca tiêu chảy, giảm 263 ca; 3.976 ca cúm, giảm 610 ca; 22 ca ly trực trùng, giảm 9 ca; 19 ca ly amíp, giảm 4 ca; 25 ca nghi sốt xuất huyết, giảm 13 ca; 83 ca thủy đậu, giảm 88 ca; 12 ca tay chân miệng, giảm 11 ca.

Công tác giám sát dịch tễ sốt rét được ngành Y tế quan tâm thường xuyên và chủ động triển khai các hoạt động phòng chống sốt rét. Kết quả, tính đến hết tháng 5 năm 2020, trên địa bàn tỉnh chưa ghi nhận ca sốt rét nào.

Công tác tiêm chủng mở rộng trong 6 tháng đầu năm 2020 được triển khai thường kỳ, đúng lịch và có hiệu quả, không để xảy ra tai biến. Sở Y tế phối hợp với các ban, ngành, các tổ chức xã hội vận động bà mẹ đưa trẻ trong độ tuổi đi tiêm phòng đầy đủ các loại vaccin phòng bệnh. Cung cấp đầy đủ 10 loại vắc xin sử dụng trong Chương trình tiêm chủng mở rộng. Duy trì tỷ lệ trẻ trong độ tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin. Thực hiện tốt việc tiêm chủng mở rộng vào ngày 25 hàng tháng cho trẻ em trong độ tuổi. Đối tượng uống Vitamin A là trẻ em ở độ tuổi từ 06 đến 36 tháng và bà mẹ sau sinh 01 tháng.

Công tác phòng chống HIV/AIDS được các ngành, các địa phương trong tỉnh quan tâm góp phần tích cực giảm thiểu lây nhiễm HIV trong cộng đồng. Theo số liệu của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, toàn tỉnh hiện có 4.161 trường hợp nhiễm HIV (còn sống), sinh sống ở cả 10 huyện, thành phố, 224/229 xã, phường, thị trấn. Số người nhiễm HIV được phát hiện cao nhất tại thành phố Nam Định (2.225 người), huyện Xuân Trường (668 người), huyện Giao Thủy (626 người). Năm 2020, hướng đến mục tiêu 90-90-90 (90% số người nhiễm HIV biết được tình trạng nhiễm của bản thân; 90% người chẩn đoán nhiễm HIV được điều trị ARV; 90% người nhiễm HIV điều trị ARV có tải lượng virus dưới ngưỡng ức chế); khống chế tỷ lệ nhiễm HIV trong cộng đồng dân cư dưới 0,3%; giảm số người nhiễm HIV mới, giảm số người HIV/AIDS tử vong, giảm tác động của HIV/AIDS đối với sự phát triển kinh tế - xã hội. Ban Chỉ đạo phòng, chống AIDS và phòng chống tệ nạn ma túy, mại dâm tỉnh chỉ đạo các ngành, các huyện, thành phố tiếp tục triển khai đồng bộ, hiệu quả các giải pháp phòng, chống HIV/AIDS. Tập huấn cho cán bộ y tế cơ sở về tư vấn, chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS tại cộng đồng. Tuyên truyền, vận động người nhiễm HIV/AIDS tham gia BHYT. Mở rộng các hình thức xét nghiệm HIV. Tăng cường kiểm tra giám sát các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS tại các tuyến. Củng cố và tăng cường hệ thống chăm sóc, hỗ trợ người nhiễm HIV/AIDS. Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ y tế thực hiện công tác chăm sóc, hỗ trợ, điều trị người nhiễm HIV, điều trị dự phòng HIV lây truyền mẹ con. Cải thiện chất lượng hoạt động chăm sóc và điều trị cho người nhiễm HIV/AIDS.

Công tác giáo dục phòng chống lao được đẩy mạnh. Qua nhiều năm thực hiện Chương trình chống lao quốc gia, đến nay tỉnh đã xây dựng, duy trì mạng lưới phòng, chống lao ổn định từ các huyện, thành phố đến các xã, phường, thị trấn. Trong 5 tháng đầu năm, trên địa bàn tỉnh phát hiện 8 ca lao phổi, giảm 4 ca so với cùng kỳ. Tất cả đều được điều trị kịp thời, đúng phác đồ nên không có trường hợp tử vong.

Công tác chăm sóc sức khoẻ tâm thần cộng đồng được ngành Y tế thực hiện tốt. Trong 6 tháng đầu năm, tỉnh thực hiện tốt công tác kiểm tra cấp phát thuốc tại cơ sở, tổ chức quản lý giám sát chặt chẽ bệnh nhân tâm thần tại cộng đồng, tăng cường công tác khám phát hiện bệnh nhân mới đưa vào quản lý điều trị, nâng cao chất lượng điều trị, hạ thấp ngày điều trị trung bình. Duy trì chương trình chăm sóc sức khoẻ tâm thần tại 229 xã, phường, thị trấn; quản lý điều trị 9.312 bệnh nhân tại cộng đồng, trong đó 6.181 bệnh nhân tâm thần phân liệt; 2.712 bệnh nhân động kinh, 419 bệnh nhân trầm cảm.

Hiện nay, tình hình an toàn thực phẩm diễn biến phức tạp. Việc sử dụng chất cấm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm diễn ra ở nhiều nơi; thực phẩm không rõ nguồn gốc, xuất xứ, không bảo đảm an toàn vẫn lưu thông trên thị trường. Vì vậy, công tác vệ sinh an toàn thực phẩm tiếp tục được các cấp, các ngành quan tâm, đẩy mạnh tuyên truyền, kiểm tra, giám sát chặt chẽ các cá nhân, cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, nhất là trong dịp hè nhằm đảm bảo nguồn thực phẩm sạch phục vụ nhân dân và phòng chống dịch bệnh. Sáu tháng đầu năm 2020, trên địa bàn tỉnh không xảy ra ngộ độc thực phẩm tập thể.

Để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân về khám chữa bệnh, ngành Y tế triển khai thực hiện Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng bệnh viện phiên bản 2.0 của Bộ Y tế nâng cao chất lượng điều trị. Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế, hướng tới sự hài lòng của người bệnh. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin theo Nghị quyết 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử, đảm bảo tốt hơn trong công tác quản lý khám chữa bệnh và thanh toán BHYT, trích xuất thông tin dữ liệu đầu ra đúng theo thời gian, định dạng, mã Danh mục dùng chung của Bộ Y tế và Bảo hiểm xã hội quy định. Đến nay, 100% các cơ sở y tế trong tỉnh thực hiện việc trích chuyển dữ liệu khám, chữa bệnh lên cổng tiếp nhận của cơ quan Bảo hiểm xã hội để phục vụ cho thanh toán chi phí khám, chữa bệnh BHYT.

#### **4. Văn hoá thể thao**

##### ***a. Văn hoá thông tin***

Nhân dịp kỷ niệm 130 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 - 19/5/2020), từ ngày 15 đến ngày 25/5/2020, tại tiền sảnh Trung tâm Văn hóa Điện ảnh và Triển lãm tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức triển lãm, trưng bày 71 tranh cổ động với chủ đề “Chủ tịch Hồ Chí Minh sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta”. Từ ngày 18/5/2020 đến hết năm 2020, tại Bảo tàng tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức triển lãm “Bác Hồ với Đảng bộ và nhân dân Nam Định”. Thông qua các tài liệu, hình ảnh, hiện vật trưng bày tại triển lãm nhằm tôn vinh, tri ân sâu sắc công lao vĩ đại của Người đối với cách mạng Việt Nam.

Từ ngày 02 đến ngày 05/6/2020 tại Trung tâm Văn hóa, Điện ảnh và Triển lãm tỉnh, hội diễn Nghệ thuật quần chúng Công an nhân dân lần thứ XI, năm 2020 - Khu vực III tổ chức với sự tham gia của hơn 500 cán bộ, chiến sĩ thuộc 15 đoàn nghệ thuật quần chúng công an các tỉnh. Sau 4 ngày tranh tài sôi nổi, chương trình biểu diễn 76 tiết mục ca - múa - nhạc - kịch đặc sắc với nhiều nội dung phong phú ca ngợi Đảng, Bác Hồ, tình yêu quê hương, đất nước, ca ngợi người chiến sĩ công an bản lĩnh, nhân văn, vì nhân dân phục vụ. Tất cả tạo nên một không gian nghệ thuật độc đáo, đa sắc màu, mang đến cho khán giả nhiều cảm xúc. Kết thúc Hội diễn, Ban tổ chức trao 1 giải Nhất toàn đoàn cho đoàn nghệ thuật quần chúng Công an tỉnh Nam Định; 5 giải Nhì; 6 giải Ba và 3 giải Khuyến khích cho đoàn nghệ thuật quần chúng Công an các tỉnh. Bên cạnh đó, Ban tổ chức trao 15 tiết mục đoạt giải A, 23 tiết mục đoạt giải B; 29 tiết mục đoạt giải C; giải cho các tác giả có tác phẩm mới đạt chất lượng, giải diễn viên tiêu biểu và giải Đoàn có thành tích xuất sắc về chỉ đạo, dàn dựng chương trình nghệ thuật.

Chào mừng Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; kỷ niệm 75 năm Ngày thành lập lực lượng vũ trang Quân khu 3, sáng ngày 15/6/2020, tại Nhà văn hóa truyền thống lực lượng vũ trang tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh phối hợp với Bảo tàng, Nhà văn hóa Quân khu 3 tổ chức triển lãm với chủ đề: “Mãi mãi niềm tin theo Đảng”. Triển lãm trưng bày gần 400 tranh, ảnh, hiện vật và hơn 500 cuốn sách giới thiệu về quá trình thành lập Đảng; vai trò lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh trong các cuộc kháng chiến giành độc lập dân tộc. Thông qua triển lãm nhằm tuyên truyền, giáo dục truyền thống cách mạng, truyền thống Quân đội nhân dân Việt Nam, Quân khu 3, đồng thời nâng cao văn hóa đọc cho cán bộ, chiến sĩ và nhân dân, đặc biệt là chiến sĩ mới nhập ngũ, học sinh, sinh viên trên địa bàn tỉnh.

### ***b. Thể dục thể thao***

Ngày 05/6/2020, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có Công văn số 481/KH-SVHTTDL về Kế hoạch tổ chức Lễ phát động toàn dân tập luyện môn bơi phòng, chống đuối nước năm 2020. Lễ phát động được tổ chức nhằm tuyên truyền về lợi ích, tác dụng của việc tập luyện môn bơi, các kỹ năng an toàn trong môi trường nước, đồng thời vận động toàn dân tích cực tập luyện bơi nhằm nâng cao sức khỏe, tầm vóc, thể lực, phòng, chống bệnh tật cho trẻ em và cộng đồng.

Chiều 23/6/2020, trên sân vận động Thiên Trường (thành phố Nam Định) diễn ra trận đấu giữa 2 câu lạc bộ Dục Nam Hà Nam Định và Hải Phòng. Kết quả trận đấu, Câu lạc bộ Dục Nam Hà Nam Định thua trên sân nhà với tỷ số 0-2. Sau 3 vòng đấu tại Giải bóng đá vô địch quốc gia LS V.League 2020, Câu lạc bộ Dục Nam Hà Nam Định tạm xếp thứ 14 với 3 điểm.

Công tác đào tạo bóng đá trẻ được xác định là nền tảng để thực hiện chủ trương phát triển bóng đá chuyên nghiệp và cung cấp lực lượng vận động viên cho Câu lạc bộ bóng đá Dược Nam Hà Nam Định trong tương lai. Năm 2020, Nam Định thuộc số ít địa phương tham gia đầy đủ các giải bóng đá vô địch quốc gia từ cấp độ trẻ đến chuyên nghiệp. Các đội bóng đá U17, U19 tham gia Giải bóng đá hạng Nhì quốc gia. Ngoài ra, đội U19 còn tham gia thêm Giải bóng đá vô địch U19 quốc gia. Trung tâm hiện liên kết với một số lò đào tạo bóng đá trong nước và quốc tế, học tập kinh nghiệm tuyển chọn, nâng cao phương pháp huấn luyện để đưa bóng đá trẻ phát triển một cách chuyên nghiệp và bài bản.

## **5. Tình hình trật tự xã hội và an toàn giao thông**

### ***a. Trật tự xã hội***

Trong tháng 5 năm 2020, tình hình an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh có nhiều diễn biến phức tạp, cụ thể:

*Đấu tranh với tội phạm hình sự:* Trong tháng, xảy ra 49 vụ, làm bị thương 19 người, mất 7 xe máy,... tiền và tài sản khác trị giá 300 triệu đồng. Lập 03 hồ sơ đưa đối tượng đi cơ sở giáo dục, 10 hồ sơ đưa đối tượng vào diện giáo dục tại xã, phường, thị trấn diện hình sự. Phát hiện, xử lý hành chính 132 vụ, 187 đối tượng về hành vi gây rối trật tự công cộng, cố ý gây thương tích, trộm cắp tài sản..., cảnh cáo 59 đối tượng. Bắt, vận động đầu thú 16 đối tượng truy nã. Đấu tranh, triệt xoá 5 băng nhóm, 15 đối tượng hoạt động trộm cắp tài sản, tiêu thụ tài sản phạm tội. Điều tra, làm rõ 39/44 vụ phạm pháp hình sự xảy ra trong tháng (đạt 88,64%). Bắt, xử lý 32 vụ, 139 đối tượng đánh bạc, trong đó khởi tố 04 vụ, 24 bị can; xử lý hành chính 28 vụ, 115 đối tượng, cảnh cáo 02 đối tượng.

*Đấu tranh với tội phạm kinh tế:* Phát hiện, xử lý hành chính 13 trường hợp vi phạm quy định về quản lý kinh tế, phạt 14,8 triệu đồng. Phát hiện, xử lý hành chính 24 trường hợp vi phạm các quy định kinh doanh ngành nghề có điều kiện về an ninh trật tự, phạt 18,3 triệu đồng.

*Đấu tranh với tội phạm ma túy:* Lập hồ sơ đưa 30 đối tượng vào diện cai nghiện tại gia đình, cộng đồng; 30 hồ sơ đưa đối tượng vào diện giáo dục tại xã, phường, thị trấn diện ma túy, 3 đối tượng đi cai nghiện bắt buộc. Phát hiện, bắt 93 vụ, 105 đối tượng mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy, thu 24 gam heroin, 0,24 gam và 18 viên ma túy tổng hợp và một số vật chứng liên quan. Đã lập hồ sơ, đề nghị truy tố 34 vụ, 38 đối tượng, xử lý hành chính 59 vụ, 67 đối tượng, cảnh cáo 56 đối tượng.

### ***b. An toàn giao thông***

Trong những tháng đầu năm 2020, tình hình trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh diễn biến phức tạp. Trước tình hình đó, Ban An toàn giao thông tỉnh phối hợp với các ngành chức năng thực hiện nhiều biện pháp nhằm giảm

thiếu tai nạn giao thông, nâng cao nhận thức tham gia giao thông an toàn trong nhân dân, đồng thời tổ chức thanh tra, kiểm tra, cấm chốt tại các tuyến đường và các nút giao thông trọng điểm, kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm trật tự an toàn giao thông. Theo báo cáo của Ban An toàn giao thông tỉnh, từ ngày 15/12/2019 đến ngày 14/6/2020, toàn tỉnh xảy ra 44 vụ tai nạn giao thông (40 vụ đường bộ; 4 vụ đường sắt) giảm 14 vụ, làm 24 người chết, giảm 5 người và bị thương 39 người, giảm 5 người so với cùng kỳ năm trước. Tính riêng từ ngày 15/5/2020 đến ngày 14/6/2020, toàn tỉnh xảy ra 14 vụ tai nạn giao thông làm 2 người chết và 20 người bị thương.

Từ ngày 15/5/2020 đến ngày 14/6/2020, lực lượng Cảnh sát giao thông đường bộ và Thanh tra Sở Giao thông Vận tải qua tuần tra, kiểm soát xử lý 4.055 trường hợp vi phạm trật tự an toàn giao thông, phạt tiền gần 3,9 tỷ đồng, tước giấy phép lái xe có thời hạn 320 trường hợp. Trong đó, Cảnh sát giao thông xử phạt 4.038 trường hợp vi phạm, phạt tiền gần 3,7 tỷ đồng, tạm giữ 49 ô tô, 869 mô tô, 31 phương tiện khác, tước giấy phép lái xe 312 trường hợp. Thanh tra Sở Giao thông Vận tải xử lý 17 trường hợp, phạt tiền trên 208 triệu đồng, tước giấy phép lái xe có thời hạn 8 trường hợp. Lực lượng Cảnh sát giao thông đường thủy xử lý 70 trường hợp, phạt tiền trên 141 triệu đồng, đình chỉ hoạt động 20 phương tiện, tạm giữ 2 phương tiện.

Sơ bộ 6 tháng đầu năm 2020 (tính từ ngày 15/12/2019 đến ngày 14/6/2020), lực lượng Cảnh sát giao thông và Thanh tra Sở Giao thông vận tải qua tuần tra, kiểm soát đã xử lý 20.088 trường hợp, phạt tiền gần 17,1 tỷ đồng, tước 1.649 giấy phép lái xe, tạm giữ 231 ô tô, 3.162 mô tô, 167 phương tiện khác. Các lực lượng chức năng phát hiện, lập biên bản xử lý 26 trường hợp vi phạm trật tự an toàn giao thông đường sắt, phạt tiền 39,4 triệu đồng; 323 trường hợp vi phạm trật tự an toàn giao thông đường thủy, phạt tiền trên 721 triệu đồng, tạm giữ 31 phương tiện và đình chỉ hoạt động 49 phương tiện.

## **6. Tình hình cháy nổ và bảo vệ môi trường**

Công an tỉnh kiểm tra, hướng dẫn phòng cháy chữa cháy cho 108 lượt cơ sở theo định kỳ, đột xuất và theo các kế hoạch chuyên đề. Hướng dẫn xử lý 247 tồn tại. Phát hiện, xử lý hành chính 20 trường hợp vi phạm quy định về an toàn phòng cháy chữa cháy, phạt 5,2 triệu đồng,... Trong tháng 6, trên địa bàn tỉnh xảy ra 03 vụ cháy, làm 1 người bị thương, giá trị thiệt hại khoảng 261 triệu đồng, nguyên nhân 1 vụ do, 2 vụ đang điều tra. Tính chung 06 tháng đầu năm 2020, toàn tỉnh để xảy ra 16 vụ cháy nổ, làm 1 người bị thương, thiệt hại về tài sản ước tính 329 triệu đồng

Công tác bảo vệ môi trường tiếp tục được các cấp, các ngành đặc biệt quan tâm. Trong thời gian qua có nhiều chương trình tuyên truyền, hành động nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho các tổ chức và nhân dân sống trên địa bàn góp phần bảo vệ môi trường và nguồn nước sinh sống. Trong tháng 6

năm 2020, lực lượng Cảnh sát Môi trường Công an tỉnh phát hiện 30 vụ vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường, khai thác khoáng sản trái phép, vi phạm các quy định an toàn thực phẩm, lập hồ sơ xử lý 30 vụ, phạt trên 133,4 triệu đồng, cảnh cáo 3 trường hợp. Tính chung 6 tháng đầu năm 2020, lực lượng Cảnh sát môi trường Công an tỉnh phát hiện 244 vụ vi phạm, lập hồ sơ xử lý, thu về số tiền phạt 630,3 triệu đồng.

**Tóm lại:** Mặc dù chịu ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19, nhưng với sự chỉ đạo sát sao, có trọng tâm, trọng điểm của chính quyền các cấp, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh 6 tháng đầu năm 2020 vẫn duy trì ổn định và phát triển, các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu tăng so với cùng kỳ năm trước. Công tác phòng dịch Covid-19 được triển khai quyết liệt, chặt chẽ. Hoạt động sản xuất kinh doanh của các ngành, các lĩnh vực đạt được kết quả tích cực: Sản xuất công nghiệp tuy không tăng cao nhưng tiếp tục giữ vai trò là động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế phát triển; cung cầu hàng hóa trên địa bàn tỉnh được bảo đảm; vụ lúa xuân được mùa, chăn nuôi gia cầm phát triển, sản lượng thủy sản tăng khá. Các lĩnh vực văn hoá, xã hội phát triển. Đời sống nhân dân ổn định, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo.

Tuy nhiên, để hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2020, nền kinh tế của tỉnh cần phải khắc phục những hạn chế: Tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp còn nhiều khó khăn; chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp còn chậm; sức cạnh tranh và giá trị gia tăng của sản phẩm công nghiệp còn thấp, chưa có nhiều sản phẩm công nghiệp mũi nhọn; chưa có nguồn thu ngân sách lớn ổn định; việc làm và thu nhập của người lao động còn nhiều khó khăn./.

**Nơi nhận:**

- TCTK (Vụ TK Tổng hợp);
- TT Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ;
- Văn phòng: Tỉnh uỷ, UBND tỉnh;
- Các Sở;
- Công an tỉnh;
- Liên đoàn Lao động tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Lãnh đạo Cục;
- Các đơn vị thuộc Cục Thống kê;
- Lưu: VT, TH.

**CỤC TRƯỞNG**

**Nguyễn Văn Ty**

# 1. Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)

6 tháng đầu năm 2020

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Theo giá hiện hành		Theo giá so sánh	
	Ước tính 6 tháng đầu năm 2020	Cơ cấu (%)	Ước tính 6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2020 so với cùng kỳ năm trước
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>36.061.693</b>	<b>100,00</b>	<b>21.545.074</b>	<b>104,29</b>
<i>Nông, lâm nghiệp và thủy sản</i>	<i>8.986.998</i>	<i>24,92</i>	<i>5.133.247</i>	<i>101,70</i>
<i>Công nghiệp - Xây dựng</i>	<i>13.692.049</i>	<i>37,96</i>	<i>8.136.755</i>	<i>107,23</i>
Công nghiệp	11.094.222	30,76	6.273.520	106,65
Xây dựng	2.597.827	7,20	1.863.235	109,21
<i>Dịch vụ</i>	<i>12.475.666</i>	<i>34,60</i>	<i>7.721.438</i>	<i>103,04</i>
<i>Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm</i>	<i>906.980</i>	<i>2,52</i>	<i>553.634</i>	<i>104,44</i>



## 2. Sản xuất nông nghiệp đến ngày 15 tháng 6 năm 2020

*Đơn vị tính: Ha*

	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Thực hiện kỳ này	Thực hiện kỳ này so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>Diện tích gieo trồng cây hàng năm</b>			
<b>Lúa</b>			
Lúa đông xuân	73.452	72.465	98,7
<b>Các loại cây khác</b>			
Ngô	2.703	2.323	85,9
Khoai lang	921	794	86,2
Đậu tương	215	243	113,0
Lạc	4.488	4.425	98,6
Rau các loại	9.925	9.959	100,3
Đậu các loại	553	594	107,4

### 3. Sản xuất vụ đông xuân năm 2020

	Đơn vị tính	Thực hiện vụ đông xuân năm 2019	Ước tính vụ đông xuân năm 2020	Vụ đông xuân năm 2020 so với vụ đông xuân năm 2019 (%)
<b>TỔNG DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG</b>	<b>Ha</b>	<b>95.974</b>	<b>94.376</b>	<b>98,3</b>
<b>1. Cây lương thực có hạt</b>	<b>Ha</b>	<b>76.159</b>	<b>74.791</b>	<b>98,2</b>
<i>Sản lượng lương thực có hạt</i>	<i>Tấn</i>	<i>522.329</i>	<i>514.829</i>	<i>98,6</i>
- Lúa: - Diện tích	Ha	73.452	72.465	98,7
- Năng suất	Tạ/ha	69,40	69,45	100,1
- Sản lượng	Tấn	509.766	503.252	98,7
- Ngô: - Diện tích	Ha	2.703	2.323	85,9
- Năng suất	Tạ/ha	46,44	49,80	107,2
- Sản lượng	Tấn	12.552	11.568	92,2
- Kê, lúa mì, lúa mạch, cao lương....				
- Diện tích	Ha	4	3	75,0
- Năng suất	Tạ/ha	27,50	28,33	103,0
- Sản lượng	Tấn	11	9	77,3
<b>2. Cây lấy củ có chất bột</b>	<b>Ha</b>	<b>3.149</b>	<b>2.672</b>	<b>84,9</b>
<i>Trong đó:</i>				
- Khoai tây: - Diện tích	Ha	2.228	1.873	84,1
- Năng suất	Tạ/ha	148,41	151,82	102,3
- Sản lượng	Tấn	33.065	28.436	86,0
- Khoai lang: - Diện tích	Ha	921	794	86,2
- Năng suất	Tạ/ha	117,49	121,22	103,2
- Sản lượng	Tấn	10.821	9.625	88,9
<b>3. Cây mía</b>	<b>Ha</b>			
<b>4. Cây thuốc lá, thuốc lào</b>	<b>Ha</b>	<b>40</b>	<b>50</b>	<b>125,0</b>
<i>Trong đó:</i>				
- Thuốc lào: - Diện tích	Ha	40	50	125,0
- Năng suất	Tạ/ha	19,50	20,60	105,6
- Sản lượng	Tấn	78	103	132,1

	Đơn vị tính	Thực hiện vụ đông xuân năm 2019	Ước tính vụ đông xuân năm 2020	Vụ đông xuân năm 2020 so với vụ đông xuân năm 2019 (%)	
<b>5. Cây lấy sợi</b>	<b>Ha</b>	<b>71</b>	<b>71</b>	<b>100,0</b>	
<i>Trong đó:</i>					
- Đay:	- Diện tích	Ha	65	66	101,5
	- Năng suất	Tạ/ha	44,31	46,21	104,3
	- Sản lượng	Tấn	288	305	105,9
- Cói:	- Diện tích	Ha	6	5	83,3
	- Năng suất	Tạ/ha	76,67	78,00	101,7
	- Sản lượng	Tấn	46	39	84,8
<b>6. Cây có hạt chứa dầu</b>	<b>Ha</b>	<b>4.762</b>	<b>4.713</b>	<b>99,0</b>	
<i>Trong đó:</i>					
- Đậu tương:	- Diện tích	Ha	215	243	113,0
	- Năng suất	Tạ/ha	22,70	25,10	110,6
	- Sản lượng	Tấn	488	610	125,0
- Lạc:	- Diện tích	Ha	4.488	4.425	98,6
	- Năng suất	Tạ/ha	44,74	46,47	103,9
	- Sản lượng	Tấn	20.078	20.562	102,4
- Vừng:	- Diện tích	Ha	59	45	76,3
	- Năng suất	Tạ/ha	7,29	8,22	112,8
	- Sản lượng	Tấn	43	37	86,0
<b>7. Cây rau, đậu, hoa các loại</b>	<b>Ha</b>	<b>11.095</b>	<b>11.368</b>	<b>102,5</b>	
<i>Trong đó:</i>					
- Rau các loại:	- Diện tích	Ha	9.925	9.959	100,3
	- Năng suất	Tạ/ha	172,49	177,56	102,9
	- Sản lượng	Tấn	171.198	176.822	103,3
- Đậu các loại:	- Diện tích	Ha	553	594	107,4
	- Năng suất	Tạ/ha	18,46	18,99	102,9
	- Sản lượng	Tấn	1.021	1.128	110,5
<b>8. Diện tích cây hàng năm khác</b>	<b>Ha</b>	<b>698</b>	<b>711</b>	<b>101,9</b>	
<i>Trong đó:</i>					
Cây gia vị hàng năm	Ha	107	115	107,5	
Cây dược liệu, hương liệu hàng năm	Ha	180	183	101,4	
Cây hàng năm khác còn lại	Ha	411	413	100,4	

## 4. Sản phẩm chăn nuôi

	Thực hiện quý I năm 2020	Ước tính quý II năm 2020	Ước tính 6 tháng đầu năm 2020	So với cùng kỳ năm trước (%)		
				Quý I năm 2020	Quý II năm 2020	6 tháng đầu năm 2020
<b>Sản lượng thịt hơi xuất chuồng (Tấn)</b>						
Thịt lợn	43.326	35.968	79.294	97,5	104,6	100,6
Thịt trâu	275	266	541	101,9	100,8	101,3
Thịt bò	942	779	1.721	100,2	100,1	100,2
Thịt gia cầm	7.438	7.353	14.791	108,1	107,6	107,8
<b>Sản lượng sản phẩm chăn nuôi khác</b>						
Trứng (Nghìn quả)	99.454	93.398	192.852	107,8	106,4	107,1
Sữa (Tấn)	-	-	-	-	-	-

## 5. Kết quả sản xuất lâm nghiệp

	Thực hiện quý I năm 2020	Ước tính quý II năm 2020	Ước tính 6 tháng đầu năm 2020	So với cùng kỳ năm trước (%)		
				Quý I năm 2020	Quý II năm 2020	6 tháng đầu năm 2020
Diện tích rừng trồng mới tập trung (Ha)						
Sản lượng gỗ khai thác (M <sup>3</sup> )	1.002	1.098	2.100	97,2	106,6	101,9
Sản lượng củi khai thác (Ster)	2.760	2.820	5.580	100,3	102,1	101,2
Diện tích rừng bị thiệt hại (Ha)						
Cháy rừng (Ha)						
Chặt, phá rừng (Ha)	0,087	0,057	0,144	-	-	-

## 6. Sản lượng thủy sản

Đơn vị tính: Tấn

	Thực hiện quý I năm 2020	Ước tính quý II năm 2020	Ước tính 6 tháng đầu năm 2020	So với cùng kỳ năm trước (%)		
				Quý I năm 2020	Quý II năm 2020	6 tháng đầu năm 2020
<b>Tổng sản lượng thủy sản</b>	<b>35.842</b>	<b>46.091</b>	<b>81.933</b>	<b>104,7</b>	<b>105,5</b>	<b>105,1</b>
Cá	19.440	26.308	45.748	103,2	104,5	104,0
Tôm	1.213	2.729	3.942	104,9	110,1	108,5
Thủy sản khác	15.188	17.055	32.243	106,6	106,2	106,4
<b>Sản lượng thủy sản nuôi trồng</b>	<b>23.895</b>	<b>27.994</b>	<b>51.889</b>	<b>106,2</b>	<b>108,0</b>	<b>107,2</b>
Cá	11.369	14.261	25.630	104,1	106,9	105,7
Tôm	713	1.200	1.913	107,4	120,7	115,4
Thủy sản khác	11.813	12.533	24.346	108,3	108,1	108,2
<b>Sản lượng thủy sản khai thác</b>	<b>11.946</b>	<b>18.097</b>	<b>30.044</b>	<b>101,7</b>	<b>101,8</b>	<b>101,8</b>
Cá	8.071	12.047	20.118	101,9	101,8	101,8
Tôm	500	1.529	2.029	101,6	103,0	102,7
Thủy sản khác	3.375	4.522	7.897	101,2	101,5	101,4

## 7. Chỉ số sản xuất công nghiệp

Tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2020

Đơn vị tính: %

	Tháng 5 năm 2020 so với cùng kỳ năm trước	Tháng 6 năm 2020 so với tháng 5 năm 2020	Tháng 6 năm 2020 so với cùng kỳ năm trước	6 tháng đầu năm 2020 so với cùng kỳ năm trước
<b>TOÀN NGÀNH CÔNG NGHIỆP</b>	<b>104,31</b>	<b>106,65</b>	<b>107,98</b>	<b>105,20</b>
<b>1. Khai khoáng</b>	<b>52,57</b>	<b>125,40</b>	<b>61,32</b>	<b>64,39</b>
Khai thác than cứng và than non				
Khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên				
Khai thác quặng kim loại				
Khai khoáng khác	52,57	125,40	61,32	64,39
Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng				
<b>2. Công nghiệp chế biến, chế tạo</b>	<b>104,45</b>	<b>106,74</b>	<b>108,35</b>	<b>105,37</b>
Sản xuất, chế biến thực phẩm	86,35	13,00	13,15	65,89
Sản xuất đồ uống	70,69	106,24	66,50	82,87
Sản xuất sản phẩm thuốc lá				
Dệt	113,59	109,80	123,73	105,64
Sản xuất trang phục	103,37	116,19	114,69	103,23
Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	34,08	122,84	47,10	65,02
Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ, và vật liệu tết bện	121,99	102,07	122,47	111,38
Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	97,37	102,96	98,79	99,79
In và sao chép bản ghi các loại	72,90	102,38	71,11	81,76
Sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế				
Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	119,87	110,22	130,44	94,33
Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	87,14	109,72	93,54	95,63
Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	110,32	104,48	111,54	104,46
Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	96,61	100,12	95,12	101,90
Sản xuất kim loại	112,83	105,07	107,71	124,48
Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	124,97	104,67	126,83	116,22
Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học				
Sản xuất thiết bị điện	180,22	100,70	148,80	205,89

	Tháng 5 năm 2020 so với cùng kỳ năm trước	Tháng 6 năm 2020 so với tháng 5 năm 2020	Tháng 6 năm 2020 so với cùng kỳ năm trước	6 tháng đầu năm 2020 so với cùng kỳ năm trước
Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	126,83	101,37	120,95	136,53
Sản xuất xe có động cơ, rơ móc	118,27	105,27	122,05	18,74
Sản xuất phương tiện vận tải khác	234,64	89,39	181,05	169,57
Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	108,26	103,04	104,61	115,22
Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	96,61	101,27	95,61	99,25
Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị	93,41	126,19	87,23	89,30
<b>3. Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí</b>	<b>102,20</b>	<b>102,68</b>	<b>93,60</b>	<b>101,11</b>
<b>4. Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải</b>	<b>98,57</b>	<b>104,32</b>	<b>102,67</b>	<b>100,06</b>
Khai thác xử lý và cung cấp nước	96,97	105,08	101,64	98,83
Thoát nước và xử lý nước thải				
Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải; tái chế phế liệu	106,31	100,96	107,70	106,16
Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác				



## 8. Chỉ số sản xuất công nghiệp □

Các quý năm 2020

*Đơn vị tính: %*

	Thực hiện quý I năm 2020 so với cùng kỳ năm trước	Ước tính quý II năm 2020 so với cùng kỳ năm trước
<b>TOÀN NGÀNH CÔNG NGHIỆP</b>	<b>108,65</b>	<b>102,09</b>
<b>1. Khai khoáng</b>	<b>81,25</b>	<b>51,79</b>
Khai thác than cứng và than non		
Khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên		
Khai thác quặng kim loại		
Khai khoáng khác	81,25	51,79
Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng		
<b>2. Công nghiệp chế biến, chế tạo</b>	<b>108,84</b>	<b>102,25</b>
Sản xuất, chế biến thực phẩm	68,06	63,73
Sản xuất đồ uống	103,99	70,80
Sản xuất sản phẩm thuốc lá		
Dệt	102,67	108,56
Sản xuất trang phục	103,91	102,75
Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	98,78	45,30
Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ, và vật liệu tết bện	102,20	122,28
Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	102,50	97,20
In và sao chép bản ghi các loại	92,43	72,23
Sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế		
Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	75,89	119,54
Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	103,23	88,32
Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	101,03	107,63
Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	110,09	94,37
Sản xuất kim loại	140,00	112,32
Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	116,12	116,36
Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học		
Sản xuất thiết bị điện	265,04	164,89
Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	150,67	123,90
Sản xuất xe có động cơ, rơ móc	13,89	35,30
Sản xuất phương tiện vận tải khác	141,54	201,39

	Thực hiện quý I năm 2020 so với cùng kỳ năm trước	Ước tính quý II năm 2020 so với cùng kỳ năm trước
Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	125,83	101,74
Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	101,52	97,08
Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị	130,95	70,47
<b>3. Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí</b>	<b>105,29</b>	<b>97,14</b>
<b>4. Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải</b>	<b>101,14</b>	<b>98,99</b>
Khai thác xử lý và cung cấp nước	100,15	97,51
Thoát nước và xử lý nước thải		
Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải; tái chế phế liệu	106,15	106,16
Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác		

## 9. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu

Tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2020

	Đơn vị tính	Thực hiện tháng 5 năm 2020	Ước tính tháng 6 năm 2020	Ước tính 6 tháng đầu năm 2020	Tháng 6 năm 2020 so với cùng kỳ năm trước (%)	6 tháng đầu năm 2020 so với cùng kỳ năm trước (%)
Muối biển	1000 tấn	1,3	1,6	9,2	58,3	71,3
Thịt lợn đông lạnh	Tấn	227	231	1.358	129,8	114,5
Nước mắm	1000 lít	1.007	1.026	6.016	102,4	107,0
Gạo xay xát	1000 tấn	52	52	314	93,2	89,9
Bánh kẹo các loại	Tấn	1.307	1.336	8.285	101,1	104,0
Muối chế biến	Tấn	3.820	3.853	24.436	93,3	100,5
Rượu trắng độ cồn từ 25 độ trở lên	1000 lít	511	515	3.227	93,6	102,2
Bia hơi	1000 lít	2.125	2.492	13.303	65,8	77,8
Bia đóng chai	1000 lít	193	197	1.197	109,4	110,7
Sợi các loại	Tấn	7.382	7.436	44.218	113,0	115,9
Vải các loại	1000 m <sup>2</sup>	9.140	9.239	56.332	106,0	110,8
Khăn các loại	Tấn	1.840	1.932	11.516	92,3	101,1
Lưới đánh cá	Tấn	790	798	4.743	98,6	100,7
Quần áo may sẵn	1000 cái	20.260	21.596	123.001	103,3	104,1
Giày, dép	1000 đôi	2.646	2.698	16.401	94,5	104,3
Gỗ cưa hoặc xẻ	1000 m <sup>3</sup>	3,17	3,32	20,47	88,5	99,0
Sản phẩm mây tre đan các loại	1000 cái	1.731	1.736	11.267	73,3	73,0
Bao bì và túi bằng giấy	1000 chiếc	8.286	8.318	53.960	93,3	105,3
Sản phẩm in	Tr. trang	710	714	4.624	94,6	105,7
Thuốc dạng viên các loại	1000 viên	176.165	181.965	1.155.653	98,2	110,5
Thuốc dạng lỏng các loại	Lít	99.883	105.923	641.235	105,3	108,6
Gạch bằng đất sét nung	1000 viên	73.177	74.369	468.919	97,5	104,0
Cửa ra vào, cửa sổ bằng sắt, thép	M <sup>2</sup>	54.145	54.950	342.186	88,4	98,8
Máy đập, tuốt lúa	Cái	715	717	4.362	87,7	89,8
Máy trộn bê tông	Cái	714	716	4.430	87,3	100,3
Phụ tùng xe có động cơ	1000 cái	1.626	1.635	10.077	93,9	100,3
Bàn ghế bằng gỗ các loại	Chiếc	64.793	65.513	402.028	97,3	100,4
Phụ tùng xe đạp	Tấn	141	143	874	87,7	99,5
Nước uống được	1000 m <sup>3</sup>	4.430	4.449	28.376	91,7	104,8

## 10. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu

Các quý năm 2020

	Đơn vị tính	Thực hiện quý I năm 2020	Ước tính quý II năm 2020	So với cùng kỳ năm trước (%)	
				Quý I năm 2020	Quý II năm 2020
Muối biển	1000 tấn	4,9	4,3	89,8	57,6
Thịt lợn đông lạnh	Tấn	674	684	102,0	130,3
Nước mắm	1000 lít	2.978	3.038	110,4	103,9
Gạo xay xát	1000 tấn	159	155	89,1	90,7
Bánh kẹo các loại	Tấn	4.376	3.909	107,8	100,0
Muối chế biến	Tấn	12.984	11.452	106,5	94,4
Rượu trắng độ cồn từ 25 độ trở lên	1000 lít	1.692	1.535	108,5	95,9
Bia hơi	1000 lít	6.756	6.547	96,6	64,8
Bia đóng chai	1000 lít	614	583	111,6	109,8
Sợi các loại	Tấn	22.067	22.151	117,6	114,2
Vải các loại	1000 m <sup>2</sup>	28.871	27.461	115,5	106,3
Khăn các loại	Tấn	5.985	5.531	109,6	93,2
Lưới đánh cá	Tấn	2.381	2.362	103,0	98,6
Quần áo may sẵn	1000 cái	62.125	60.876	110,1	98,7
Giày, dép	1000 đôi	8.552	7.849	113,4	95,8
Gỗ cưa hoặc xẻ	1000 m <sup>3</sup>	10,82	9,65	109,5	89,4
Sản phẩm mây tre đan các loại	1000 cái	6.079	5.188	74,9	71,0
Bao bì và túi bằng giấy	1000 chiếc	29.098	24.862	114,8	96,0
Sản phẩm in	Tr. trang	2.491	2.133	114,5	97,0
Thuốc dạng viên các loại	1000 viên	629.358	526.295	121,2	100,0
Thuốc dạng lỏng các loại	Lít	341.206	300.029	117,0	100,4
Gạch bằng đất sét nung	1000 viên	248.253	220.666	109,7	98,4
Cửa ra vào, cửa sổ bằng sắt, thép	M <sup>2</sup>	179.011	163.175	106,6	91,4
Máy đập, tuốt lúa	Cái	2.215	2.147	91,3	88,4
Máy trộn bê tông	Cái	2.287	2.143	109,9	91,7
Phụ tùng xe có động cơ	1000 cái	5.230	4.847	105,4	95,4
Đóng mới tàu thuyền	Cái	208.212	193.816	104,6	96,2
Phụ tùng xe đạp	Tấn	450	424	109,2	91,0
Nước uống được	1000 m <sup>3</sup>	15.067	13.309	115,4	94,9

## 11. Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn theo giá hiện hành

### 6 tháng đầu năm 2020

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

	Thực hiện quý I năm 2020	Ước tính quý II năm 2020	Ước tính 6 tháng đầu năm 2020	So với cùng kỳ năm trước (%)		
				Quý I năm 2020	Quý II năm 2020	6 tháng đầu năm 2020
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>7.565.167</b>	<b>8.455.378</b>	<b>16.020.545</b>	<b>112,0</b>	<b>108,9</b>	<b>110,3</b>
Vốn đầu tư thuộc ngân sách Nhà nước	846.090	1.080.893	1.926.983	116,5	114,4	115,3
Vốn trái phiếu Chính phủ						
Vốn tín dụng đầu tư theo kế hoạch NN	105.998	134.952	240.950	81,7	88,7	85,5
Vốn vay từ các nguồn khác (của khu vực Nhà nước)	12.907	17.790	30.697	115,9	119,1	117,7
Vốn đầu tư của doanh nghiệp Nhà nước (Vốn tự có)	21.379	16.189	37.568	81,6	112,5	92,5
Vốn đầu tư của dân cư và tư nhân	5.555.261	6.116.607	11.671.868	113,1	108,1	110,4
Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	839.632	925.393	1.765.025	109,2	113,3	111,3
Vốn huy động khác	183.900	163.554	347.454	101,9	99,7	100,9

## 12. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý

Tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2020

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện tháng 5 năm 2020	Ước tính tháng 6 năm 2020	Ước tính 6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2020 so với:	
					Kế hoạch (%)	Cùng kỳ năm trước (%)
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>4.040.559</b>	<b>223.527</b>	<b>287.163</b>	<b>1.222.718</b>	<b>30,3</b>	<b>122,4</b>
<b>1. Vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh</b> □	<b>3.009.559</b>	<b>158.938</b>	<b>210.560</b>	<b>884.601</b>	<b>29,4</b>	<b>122,3</b>
- Vốn cân đối ngân sách tỉnh	2.373.082	128.320	175.220	715.760	30,2	114,0
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	<i>1.572.473</i>	<i>95.356</i>	<i>145.100</i>	<i>580.249</i>	<i>36,9</i>	<i>133,2</i>
- Vốn trung ương hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	533.307	21.274	24.605	128.505	24,1	248,8
- Vốn nước ngoài	81.200	6.735	7.190	29.149	35,9	93,8
- Xổ số kiến thiết	21.970	2.609	3.545	11.187	50,9	87,2
- Vốn khác						
<b>2. Vốn ngân sách nhà nước cấp huyện</b> □	<b>440.400</b>	<b>30.635</b>	<b>35.036</b>	<b>148.474</b>	<b>33,7</b>	<b>125,4</b>
- Vốn cân đối ngân sách huyện	162.000	11.300	13.036	53.324	32,9	117,4
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	<i>162.000</i>	<i>11.300</i>	<i>13.036</i>	<i>53.324</i>	<i>32,9</i>	<i>117,4</i>
- Vốn tỉnh hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	278.400	19.335	22.000	95.150	34,2	130,3
- Vốn khác						
<b>3. Vốn ngân sách nhà nước cấp xã</b> □	<b>590.600</b>	<b>33.954</b>	<b>41.567</b>	<b>189.643</b>	<b>32,1</b>	<b>120,6</b>
- Vốn cân đối ngân sách xã	405.000	24.334	31.600	137.506	34,0	108,6
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	<i>405.000</i>	<i>24.334</i>	<i>31.600</i>	<i>137.506</i>	<i>34,0</i>	<i>108,6</i>
- Vốn huyện hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	185.600	9.620	9.967	52.137	28,1	170,4
- Vốn khác						

### **13. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý**

Các quý năm 2020

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

	Thực hiện quý I năm 2020	Ước tính quý II năm 2020	So với cùng kỳ năm trước (%)	
			Quý I năm 2020	Quý II năm 2020
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>530.025</b>	<b>692.693</b>	<b>132,4</b>	<b>115,7</b>
<b>1. Vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh</b> □	<b>385.286</b>	<b>499.315</b>	<b>132,3</b>	<b>115,6</b>
- Vốn cân đối ngân sách tỉnh	312.800	402.960	125,8	106,3
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	<i>264.390</i>	<i>315.859</i>	<i>133,6</i>	<i>132,9</i>
- Vốn trung ương hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	57.926	70.579	254,4	244,3
- Vốn nước ngoài	10.663	18.486	75,6	108,8
- Xổ số kiến thiết	3.897	7.290	68,9	101,7
- Vốn khác				
<b>2. Vốn ngân sách nhà nước cấp huyện</b> □	<b>59.692</b>	<b>88.782</b>	<b>152,7</b>	<b>111,9</b>
- Vốn cân đối ngân sách huyện	21.380	31.944	107,5	125,0
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	<i>21.380</i>	<i>31.944</i>	<i>107,5</i>	<i>125,0</i>
- Vốn tỉnh hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	38.312	56.838	199,4	105,7
- Vốn khác				
<b>3. Vốn ngân sách nhà nước cấp xã</b> □	<b>85.047</b>	<b>104.596</b>	<b>121,5</b>	<b>119,9</b>
- Vốn cân đối ngân sách xã	61.177	76.329	109,3	107,9
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	<i>61.177</i>	<i>76.329</i>	<i>109,3</i>	<i>107,9</i>
- Vốn huyện hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	23.870	28.267	169,5	171,1
- Vốn khác				

## 14. Tổng mức bán lẻ hàng hóa, dịch vụ

Tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2020

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

	Thực hiện tháng 5 năm 2020	Ước tính tháng 6 năm 2020	Ước tính 6 tháng đầu năm 2020	Tháng 6 năm 2020 so với cùng kỳ năm trước (%)	6 tháng đầu năm 2020 so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>3.851.736</b>	<b>3.941.951</b>	<b>22.949.387</b>	<b>110,3</b>	<b>104,7</b>
Thương nghiệp	3.405.864	3.458.742	20.457.393	111,2	106,3
Lưu trú và ăn uống	223.750	251.712	1.240.278	100,8	86,6
Du lịch lữ hành	805	870	4.950	53,8	53,3
Dịch vụ khác	221.317	230.627	1.246.766	108,0	99,8



## 15. Tổng mức bán lẻ hàng hóa, dịch vụ

Các quý năm 2020

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

	Thực hiện quý I năm 2020	Ước tính quý II năm 2020	So với cùng kỳ năm trước (%)	
			Quý I năm 2020	Quý II năm 2020
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>12.144.283</b>	<b>10.805.104</b>	<b>108,1</b>	<b>101,1</b>
Thương nghiệp	10.812.513	9.644.880	109,2	103,3
Lưu trú và ăn uống	661.718	578.560	94,2	79,3
Du lịch lữ hành	3.101	1.849	68,1	39,0
Dịch vụ khác	666.951	579.815	106,5	93,0

## 16. Doanh thu bán lẻ hàng hóa

Tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2020

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

	Thực hiện tháng 5 năm 2020	Ước tính tháng 6 năm 2020	Ước tính 6 tháng đầu năm 2020	Tháng 6 năm 2020 so với cùng kỳ năm trước (%)	6 tháng đầu năm 2020 so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>3.405.864</b>	<b>3.458.742</b>	<b>20.457.393</b>	<b>111,2</b>	<b>106,3</b>
Lương thực, thực phẩm	1.118.698	1.125.367	6.862.605	106,7	104,4
Hàng may mặc	182.685	186.348	1.052.479	106,1	100,7
Đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình	444.149	457.546	2.456.144	120,8	108,9
Vật phẩm văn hóa, giáo dục	35.527	38.676	201.950	114,3	89,3
Gỗ và vật liệu xây dựng	652.862	657.593	3.843.967	112,7	107,6
Ô tô con (dưới 9 chỗ ngồi)	9.833	10.965	58.314	66,8	72,0
Phương tiện đi lại, trừ ô tô con (kể cả phụ tùng)	206.705	205.246	1.277.635	108,9	102,4
Xăng, dầu các loại	314.976	318.065	1.973.729	111,1	113,4
Nhiên liệu khác	62.257	66.129	335.080	112,2	97,7
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	132.428	138.641	937.030	121,0	114,8
Hàng hóa khác	189.324	195.180	1.110.640	116,2	110,9
Sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy và xe có động cơ	56.420	58.986	347.820	113,6	104,5

## 17. Doanh thu bán lẻ hàng hóa

Các quý năm 2020

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

	Thực hiện quý I năm 2020	Ước tính quý II năm 2020	So với cùng kỳ năm trước (%)	
			Quý I năm 2020	Quý II năm 2020
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>10.812.513</b>	<b>9.644.880</b>	<b>109,2</b>	<b>103,3</b>
Lương thực, thực phẩm	3.630.928	3.231.677	106,8	101,9
Hàng may mặc	576.027	476.452	110,4	91,1
Đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình	1.267.775	1.188.369	111,6	106,1
Vật phẩm văn hóa, giáo dục	112.424	89.526	95,0	83,0
Gỗ và vật liệu xây dựng	1.940.849	1.903.118	106,1	109,1
Ô tô con (dưới 9 chỗ ngồi)	31.513	26.801	88,8	58,8
Phương tiện đi lại, trừ ô tô con (kể cả phụ tùng)	718.523	559.112	106,8	97,4
Xăng, dầu các loại	1.038.068	935.661	116,5	110,2
Nhiên liệu khác	169.145	165.935	98,4	96,9
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	535.936	401.094	122,3	106,2
Hàng hóa khác	597.313	513.327	118,3	103,4
Sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy và xe có động cơ	194.012	153.808	107,3	101,1

## **18. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành và dịch vụ khác**

Tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2020

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

	Thực hiện tháng 5 năm 2020	Ước tính tháng 6 năm 2020	Ước tính 6 tháng đầu năm 2020	Tháng 6 năm 2020 so với cùng kỳ năm trước (%)	6 tháng đầu năm 2020 so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>445.872</b>	<b>483.209</b>	<b>2.491.994</b>	<b>104,0</b>	<b>92,6</b>
<b>Dịch vụ lưu trú, ăn uống</b>	<b>223.750</b>	<b>251.712</b>	<b>1.240.278</b>	<b>100,8</b>	<b>86,6</b>
Dịch vụ lưu trú	21.206	28.050	121.117	85,3	74,6
Dịch vụ ăn uống	202.544	223.662	1.119.161	103,2	88,1
<b>Dịch vụ lữ hành</b>	<b>805</b>	<b>870</b>	<b>4.950</b>	<b>53,8</b>	<b>53,3</b>
<b>Dịch vụ khác</b>	<b>221.317</b>	<b>230.627</b>	<b>1.246.766</b>	<b>108,0</b>	<b>99,8</b>

## 19. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành và dịch vụ khác

Các quý năm 2020

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

	Thực hiện quý I năm 2020	Ước tính quý II năm 2020	So với cùng kỳ năm trước (%)	
			Quý I năm 2020	Quý II năm 2020
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>1.331.770</b>	<b>1.160.224</b>	<b>99,9</b>	<b>85,4</b>
<b>Dịch vụ lưu trú, ăn uống</b>	<b>661.718</b>	<b>578.560</b>	<b>94,2</b>	<b>79,3</b>
Dịch vụ lưu trú	62.846	58.271	91,3	62,3
Dịch vụ ăn uống	598.872	520.289	94,5	81,8
<b>Dịch vụ lữ hành</b>	<b>3.101</b>	<b>1.849</b>	<b>68,1</b>	<b>39,0</b>
<b>Dịch vụ khác</b>	<b>666.951</b>	<b>579.815</b>	<b>106,5</b>	<b>93,0</b>

## 20. Hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu

Tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2020

*Đơn vị tính: 1000 USD*

	Thực hiện tháng 5 năm 2020	Ước tính tháng 6 năm 2020	Ước tính 6 tháng đầu năm 2020	Tháng 6 năm 2020 so với cùng kỳ năm trước (%)	6 tháng đầu năm 2020 so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>A. XUẤT KHẨU</b>					
<b>I. Tổng trị giá</b>	<b>142.308</b>	<b>150.477</b>	<b>885.996</b>	<b>80,7</b>	<b>98,7</b>
Nhà nước	2.276	2.419	14.746	48,7	55,8
Ngoài nhà nước	50.324	53.021	326.210	87,2	95,6
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	89.708	95.037	545.040	78,7	102,9
<b>II. Mặt hàng chủ yếu</b>					
- Hàng may mặc	90.789	93.395	589.742	80,6	89,7
- Túi xách, giày, dép	26.938	28.376	167.373	76,8	111,1
- Lâm sản	936	995	17.341	18,4	70,8
<b>B. NHẬP KHẨU</b>					
<b>I. Tổng trị giá</b>	<b>88.314</b>	<b>76.952</b>	<b>550.484</b>	<b>64,4</b>	<b>99,6</b>
Nhà nước	2.484	1.753	16.420	49,0	100,0
Ngoài nhà nước	38.269	32.751	216.934	103,7	108,8
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	47.561	42.448	317.130	50,3	94,1
<b>II. Mặt hàng chủ yếu</b>					
- Nguyên phụ liệu may	62.575	56.655	384.672	60,6	85,7
- Da và các mặt hàng có liên quan	6.645	4.800	71.106	37,5	139,6
- Bông, xơ, sợi dệt	6.052	5.462	32.246	74,0	85,5

## 21. Hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu

Các quý năm 2020

*Đơn vị tính: 1000USD*

	Thực hiện quý I năm 2020	Ước tính quý II năm 2020	So với cùng kỳ năm trước (%)	
			Quý I năm 2020	Quý II năm 2020
<b>A. XUẤT KHẨU</b>				
<b>I. Tổng trị giá</b>	<b>449.598</b>	<b>436.398</b>	<b>115,1</b>	<b>86,1</b>
Nhà nước	7.474	7.272	62,1	50,5
Ngoài nhà nước	176.023	150.187	110,2	82,7
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	266.101	278.939	121,6	89,8
<b>II. Mặt hàng chủ yếu</b>				
- Hàng may mặc	316.325	273.417	100,3	80,0
- Túi xách, giày, dép	69.234	98.139	121,8	104,6
- Lâm sản	13.869	3.472	126,1	25,7
<b>B. NHẬP KHẨU</b>				
<b>I. Tổng trị giá</b>	<b>262.242</b>	<b>288.242</b>	<b>110,8</b>	<b>91,2</b>
Nhà nước	7.649	8.771	116,3	89,1
Ngoài nhà nước	106.582	110.352	107,8	109,8
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	148.011	169.119	112,8	82,2
<b>II. Mặt hàng chủ yếu</b>				
- Nguyên phụ liệu may	190.006	194.666	97,5	76,7
- Da và các mặt hàng có liên quan	32.267	38.839	169,0	122,0
- Bông, xơ, sợi dệt	15.127	17.119	88,8	82,9

## 22. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá Đô la Mỹ

Tháng 6 năm 2020

Đơn vị tính: %

	Chỉ số giá tháng 6 so với:				Bình quân 6 tháng đầu năm 2020 so với cùng kỳ năm trước
	Kỳ gốc 2014	Tháng 6 năm 2019	Tháng 12 năm 2019	Tháng 5 năm 2020	
<b>I. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG</b>	<b>115,59</b>	<b>104,20</b>	<b>98,50</b>	<b>100,17</b>	<b>105,44</b>
1. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	125,43	117,41	101,49	99,74	115,00
<i>Trong đó:</i> - Lương thực	106,11	106,14	104,84	97,63	105,22
- Thực phẩm	130,66	124,69	101,25	99,90	121,34
- Ăn uống ngoài gia đình	119,61	103,89	100,93	100,00	103,17
2. Đồ uống và thuốc lá	109,48	99,87	100,16	100,03	102,03
3. May mặc, mũ nón, giày dép	79,74	96,35	98,06	99,91	97,85
4. Nhà ở, điện nước, chất đốt và VLXD	99,83	97,23	97,25	98,25	101,10
5. Thiết bị và đồ dùng gia đình	96,60	99,03	99,65	99,92	98,59
6. Thuốc và dịch vụ y tế	291,52	103,58	100,88	100,00	103,69
<i>Trong đó:</i> Dịch vụ y tế	400,98	103,99	100,52	100,00	103,99
7. Giao thông	74,67	80,65	81,63	106,83	90,99
8. Bưu chính viễn thông	95,99	98,90	99,65	99,88	98,89
9. Giáo dục	136,35	102,60	99,96	100,00	107,56
<i>Trong đó:</i> Dịch vụ giáo dục	142,73	103,07	100,00	100,00	108,57
10. Văn hoá, giải trí và du lịch	101,84	96,53	98,02	100,59	95,75
11. Hàng hóa và dịch vụ khác	118,61	100,52	100,47	100,08	104,01
<b>II. CHỈ SỐ GIÁ VÀNG</b>	<b>136,78</b>	<b>129,22</b>	<b>117,53</b>	<b>100,47</b>	<b>124,13</b>
<b>III. CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ</b>	<b>109,94</b>	<b>100,11</b>	<b>100,42</b>	<b>99,37</b>	<b>100,29</b>



## 23. Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải

Tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2020

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

	Ước tính tháng 6 năm 2020	Ước tính 6 tháng đầu năm 2020	Tháng 6 năm 2020 so với tháng trước (%)	Tháng 6 năm 2020 so với cùng kỳ năm trước (%)	6 tháng đầu năm 2020 so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>447.420</b>	<b>2.549.302</b>	<b>106,3</b>	<b>98,4</b>	<b>96,0</b>
<b>1. Vận tải hành khách</b>	<b>99.342</b>	<b>560.397</b>	<b>112,2</b>	<b>97,4</b>	<b>93,0</b>
Đường sắt					
Đường biển					
Đường thủy nội địa	985	5.905	105,3	106,4	106,5
Đường bộ	98.357	554.492	112,3	97,3	92,9
<b>2. Vận tải hàng hóa</b>	<b>339.025</b>	<b>1.919.950</b>	<b>104,7</b>	<b>100,2</b>	<b>97,5</b>
Đường sắt					
Đường biển	145.616	679.327	102,7	156,5	120,9
Đường thủy nội địa	90.160	602.321	103,2	74,3	87,4
Đường bộ	103.249	638.302	109,0	83,4	88,9
<b>3. Dịch vụ hỗ trợ vận tải</b>	<b>8.865</b>	<b>67.894</b>	<b>106,7</b>	<b>63,4</b>	<b>81,6</b>
<b>4. Bưu chính chuyên phát</b>	<b>188</b>	<b>1.061</b>	<b>104,4</b>	<b>78,0</b>	<b>73,0</b>

## 24. Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải

Các quý năm 2020

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

	Thực hiện quý I năm 2020	Ước tính quý II năm 2020	So với cùng kỳ năm trước (%)	
			Quý I năm 2020	Quý II năm 2020
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>1.401.833</b>	<b>1.147.469</b>	<b>106,5</b>	<b>85,7</b>
<b>1. Vận tải hành khách</b>	<b>320.240</b>	<b>240.157</b>	<b>106,8</b>	<b>79,4</b>
Đường sắt				
Đường biển				
Đường thủy nội địa	3.288	2.617	117,7	95,1
Đường bộ	316.952	237.540	106,7	79,3
<b>2. Vận tải hàng hóa</b>	<b>1.037.392</b>	<b>882.558</b>	<b>106,6</b>	<b>88,7</b>
Đường sắt				
Đường biển	317.576	361.751	111,5	130,6
Đường thủy nội địa	347.392	254.929	103,2	72,3
Đường bộ	372.424	265.878	105,8	72,7
<b>3. Dịch vụ hỗ trợ vận tải</b>	<b>43.658</b>	<b>24.236</b>	<b>103,4</b>	<b>59,1</b>
<b>4. Bru chính, chuyên phát</b>	<b>543</b>	<b>518</b>	<b>73,1</b>	<b>72,9</b>

## 25. Vận tải hành khách và hàng hóa

	Ước tính tháng 6 năm 2020	Ước tính 6 tháng đầu năm 2020	Tháng 6 năm 2020 so với tháng 5 năm 2020 (%)	Tháng 6 năm 2020 so với cùng kỳ năm trước (%)	6 tháng đầu năm 2020 so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>I. HÀNH KHÁCH</b>					
<b>1. Vận chuyển (Nghìn HK)</b>	<b>1.624</b>	<b>9.902</b>	<b>106,5</b>	<b>91,4</b>	<b>93,2</b>
Đường sắt					
Đường biển					
Đường thủy nội địa	367	2.249	104,1	100,2	102,0
Đường bộ	1.257	7.653	107,3	89,2	90,9
<b>2. Luân chuyển (Nghìn HK.Km)</b>	<b>166.571</b>	<b>947.363</b>	<b>111,2</b>	<b>94,6</b>	<b>90,0</b>
Đường sắt					
Đường biển					
Đường thủy nội địa	194	1.166	105,3	108,7	107,0
Đường bộ	166.377	946.197	111,2	94,6	90,0
<b>II. HÀNG HÓA</b>					
<b>1. Vận chuyển (Nghìn tấn)</b>	<b>3.063</b>	<b>17.411</b>	<b>103,4</b>	<b>103,9</b>	<b>99,7</b>
Đường sắt					
Đường biển	590	2.710	102,0	159,3	120,2
Đường thủy nội địa	1.254	7.726	102,7	96,0	97,5
Đường bộ	1.219	6.975	104,7	96,0	95,8
<b>2. Luân chuyển (Nghìn tấn.Km)</b>	<b>681.962</b>	<b>3.789.512</b>	<b>103,5</b>	<b>112,0</b>	<b>100,6</b>
Đường sắt					
Đường biển	393.545	1.870.142	102,6	154,2	117,0
Đường thủy nội địa	227.720	1.539.243	103,6	80,8	88,2
Đường bộ	60.697	380.127	109,1	84,5	89,7

## 26. Vận tải hành khách và hàng hóa

Các quý năm 2020

	Thực hiện quý I năm 2020	Ước tính quý II năm 2020	So với cùng kỳ năm trước (%)	
			Quý I năm 2020	Quý II năm 2020
<b>I. HÀNH KHÁCH</b>				
<b>1. Vận chuyển (Nghìn HK)</b>	<b>5.753</b>	<b>4.149</b>	<b>108,0</b>	<b>78,4</b>
Đường sắt				
Đường biển				
Đường thủy nội địa	1.295	954	116,2	87,5
Đường bộ	4.458	3.195	105,8	76,0
<b>2. Luân chuyển (Nghìn HK.Km)</b>	<b>544.921</b>	<b>402.442</b>	<b>103,6</b>	<b>76,4</b>
Đường sắt				
Đường biển				
Đường thủy nội địa	651	515	117,4	96,2
Đường bộ	544.270	401.927	103,6	76,3
<b>II. HÀNG HÓA</b>				
<b>1. Vận chuyển (Nghìn tấn)</b>	<b>9.276</b>	<b>8.135</b>	<b>106,7</b>	<b>92,8</b>
Đường sắt				
Đường biển	1.244	1.466	108,2	132,6
Đường thủy nội địa	4.222	3.504	105,2	89,5
Đường bộ	3.810	3.165	107,9	84,5
<b>2. Luân chuyển (Nghìn tấn.Km)</b>	<b>1.997.463</b>	<b>1.792.049</b>	<b>103,2</b>	<b>97,8</b>
Đường sắt				
Đường biển	876.899	993.243	106,0	128,8
Đường thủy nội địa	896.801	642.442	99,8	75,9
Đường bộ	223.763	156.364	106,8	73,0

## 27. Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn

6 tháng đầu năm 2020

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Ước tính 6 tháng đầu năm 2020	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2020 so với cùng kỳ (%)	Cơ cấu 6 tháng đầu năm 2020 (%)	Cơ cấu 6 tháng đầu năm 2019 (%)
<b>TỔNG THU</b>	<b>10.621.000</b>	<b>10.033.580</b>	<b>105,9</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>
<b>A. Tổng thu ngân sách trên địa bàn</b>	<b>2.352.100</b>	<b>2.648.212</b>	<b>88,8</b>	<b>22,15</b>	<b>26,39</b>
<b>I. Thu nội địa</b>	<b>2.168.100</b>	<b>2.443.057</b>	<b>88,7</b>	<b>20,42</b>	<b>24,34</b>
Thu từ doanh nghiệp nhà nước	144.000	149.842	96,1	1,36	1,49
Thu từ doanh nghiệp đầu tư nước ngoài	50.000	55.938	89,4	0,47	0,56
Thu từ khu vực công, thương nghiệp ngoài quốc doanh	340.000	395.768	85,9	3,20	3,94
Thuế thu nhập cá nhân	180.000	141.013	127,6	1,69	1,41
Thuế bảo vệ môi trường	228.000	213.970	106,6	2,15	2,13
Thu phí, lệ phí	201.000	195.852	102,6	1,89	1,95
<i>Trong đó: Lệ phí trước bạ</i>	<i>145.000</i>	<i>150.609</i>	<i>96,3</i>	<i>1,37</i>	<i>1,50</i>
Các khoản thu về nhà, đất	905.100	1.175.259	77,0	8,52	11,71
Thu xổ số kiến thiết (bao gồm cả xổ số điện toán)	17.000	14.925	113,9	0,16	0,15
Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	4.000	8.005	50,0	0,04	0,08
Thu khác ngân sách	75.000	63.707	117,7	0,71	0,63
Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	24.000	24.679	97,2	0,23	0,25
Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu, chi của ngân sách nhà nước		4.099			0,04
<b>II. Thu về dầu thô</b>					
<b>III. Thu cân đối hoạt động xuất nhập khẩu</b>	<b>166.000</b>	<b>182.248</b>	<b>91,1</b>	<b>1,56</b>	<b>1,82</b>
<b>IV. Thu viện trợ</b>					
<b>B. Bổ sung từ ngân sách TW</b>	<b>5.530.270</b>	<b>4.873.325</b>		<b>52,07</b>	<b>48,57</b>
<b>C. Thu chuyển nguồn</b>	<b>2.738.630</b>	<b>2.501.453</b>		<b>25,78</b>	<b>24,93</b>
<b>D. Thu huy động ĐT theo K3Đ8 Luật NS</b>					

## 28. Chi ngân sách Nhà nước địa phương

6 tháng đầu năm 2020

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

	Ước tính 6 tháng đầu năm 2020	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2020 so với cùng kỳ (%)	Cơ cấu 6 tháng đầu năm 2020 (%)	Cơ cấu 6 tháng đầu năm 2019 (%)
<b>TỔNG CHI</b>	<b>6.763.369</b>	<b>6.323.261</b>	<b>107,0</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>
<b>I. Chi đầu tư phát triển</b>	<b>2.505.400</b>	<b>2.724.165</b>	<b>92,0</b>	<b>37,05</b>	<b>43,08</b>
<b>II. Chi trả nợ lãi</b>	<b>239</b>	<b>120</b>	<b>199,2</b>		
<b>III. Chi thường xuyên</b>	<b>4.235.270</b>	<b>3.544.976</b>	<b>119,5</b>	<b>62,62</b>	<b>56,07</b>
Chi quốc phòng	49.520	35.488	139,5	0,73	0,56
Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	44.000	39.551	111,2	0,65	0,63
Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo, dạy nghề	1.570.900	1.577.186	99,6	23,23	24,94
Chi sự nghiệp y tế, dân số và KHHGD	905.080	458.302	197,5	13,38	7,25
Chi khoa học, công nghệ	11.000	7.832	140,4	0,16	0,12
Chi văn hóa, thông tin	29.000	34.059	85,1	0,43	0,54
Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tá	17.000	17.180	99,0	0,25	0,27
Chi thể dục, thể thao	19.000	15.156	125,4	0,28	0,24
Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	63.850	65.994	96,8	0,95	1,05
Chi sự nghiệp kinh tế	340.200	321.764	105,7	5,03	5,09
Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể	721.140	674.357	106,9	10,66	10,67
Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	450.590	277.164	162,6	6,66	4,38
Chi trợ giá mặt hàng chính sách					
Chi khác	13.990	20.943	66,8	0,21	0,33
<b>IV. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>					
<b>V. Chi dự phòng ngân sách</b>					
<b>VI. Các nhiệm vụ chi khác</b>	<b>22.460</b>	<b>54.000</b>	<b>41,6</b>	<b>0,33</b>	<b>0,85</b>

## 29. Trật tự, an toàn xã hội

Tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2020

(Tính đến ngày 14/6/2020)

	Sơ bộ tháng 6 năm 2020	Sơ bộ 6 tháng đầu năm 2020	Tháng 6 năm 2020 so với tháng 5 năm 2020 (%)	Tháng 6 năm 2020 so với cùng kỳ năm trước (%)	6 tháng đầu năm 2020 so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>I. TAI NẠN GIAO THÔNG</b>					
<b>1. Số vụ tai nạn giao thông (Vụ)</b>	<b>14</b>	<b>44</b>	<b>350,0</b>	<b>116,7</b>	<b>75,9</b>
Đường bộ	14	40	350,0	116,7	74,1
Đường sắt		4			100,0
Đường thủy					
<b>2. Số người chết (Người)</b>	<b>2</b>	<b>24</b>	<b>50,0</b>	<b>40,0</b>	<b>82,8</b>
Đường bộ	2	22	50,0	40,0	88,0
Đường sắt		2			50,0
Đường thủy					
<b>3. Số người bị thương (Người)</b>	<b>20</b>	<b>39</b>	<b>1000,0</b>	<b>285,7</b>	<b>88,6</b>
Đường bộ	20	37	1000,0	285,7	84,1
Đường sắt		2			
Đường thủy					
<b>II. CHÁY, NỔ</b>					
Số vụ cháy, nổ (Vụ)	3	16	150,0	150,0	177,8
Số người chết (Người)					
Số người bị thương (Người)	1	1			50,0
Tổng giá trị thiệt hại (Triệu đồng)	261	329	6525,0	492,5	244,6

## 30. Trật tự, an toàn xã hội

Các quý năm 2020

(Tính đến ngày 14/6/2020)

	Đơn vị tính	Quý I năm 2020	Quý II năm 2020
<b>I. TAI NẠN GIAO THÔNG</b>			
<b>1. Số vụ tai nạn giao thông</b>	<b>Vụ</b>	<b>21</b>	<b>23</b>
Đường bộ	"	18	22
Đường sắt	"	3	1
Đường thủy	"		
<b>2. Số người chết</b>	<b>Người</b>	<b>11</b>	<b>13</b>
Đường bộ	"	10	12
Đường sắt	"	1	1
Đường thủy	"		
<b>3. Số người bị thương</b>	<b>Người</b>	<b>16</b>	<b>23</b>
Đường bộ	"	14	23
Đường sắt	"	2	
Đường thủy	"		
<b>II. CHÁY, NỔ</b>			
Số vụ cháy, nổ	Vụ	10	6
Số người chết	Người		
Số người bị thương	Người		1
Tổng giá trị tài sản thiệt hại	Triệu đồng	44	285